

ĐỀ ÁN

**Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng,
Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp
tỉnh Lâm Đồng**

Phần 1

SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu, quan điểm xây dựng đề án

1. Mục tiêu

- Xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức (gọi tắt là Đề án) nhằm xác định cụ thể yêu cầu về số lượng vị trí việc làm gắn với các chức danh, chức vụ, chất lượng và cơ cấu ngạch công chức phù hợp. Từ đó xác định biên chế, cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh một cách khoa học, hợp lý; là cơ sở pháp lý để thực hiện việc tuyển dụng, bố trí sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, nâng ngạch, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, công chức cơ quan đảm bảo công khai, minh bạch, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng vị trí việc làm góp phần làm giảm biên chế một cách hợp lý; đồng thời là cơ sở để thực hiện tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm đến năm 2021 tỷ lệ tinh giản tối thiểu là 10% tổng biên chế hưởng lương ngân sách Nhà nước.

2. Quan điểm

- Xây dựng Đề án phải theo chủ trương của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức và tinh giản biên chế; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh; Phải có tính kế thừa những ưu điểm và khắc phục nhược điểm trong quản lý cán bộ, công chức trong thời gian vừa qua; đảm bảo tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ, công việc thường xuyên và đột xuất của cơ quan; mỗi vị trí việc làm phải gắn với một chức danh, ngạch công chức nhất định và phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý cán bộ, công chức. Một việc chỉ giao cho một bộ phận, một cá nhân

chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các bộ phận, cá nhân khác trong cơ quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện tùy theo tính chất, mức độ công việc để phân công cụ thể. Một vị trí việc làm do một người đảm nhận; một vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận hoặc vị trí việc làm kiêm nhiệm.

- Xây dựng Đề án phải bảo đảm tổ chức bộ máy tinh gọn, phù hợp, có tính ổn định, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Bên cạnh đó, việc xây dựng vị trí việc làm cho từng cá nhân, các bộ phận trực thuộc nhằm tạo cơ sở pháp lý để xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu và thực hiện tốt nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

II. Tóm tắt đặc điểm của các cơ quan

1. Khái quát đặc điểm nội dung và tính chất hoạt động

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (gọi tắt là Tỉnh ủy) là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ giữa hai kỳ Đại hội, chịu trách nhiệm trước Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh về tình hình mọi mặt của địa phương; quyết định những vấn đề chiến lược và chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, tư pháp, đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị, công tác quần chúng, nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Các cơ quan chuyên môn chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy: là cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy, cụ thể:

- **Văn phòng Tỉnh ủy:** Là cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy trong tổ chức, điều hành công việc lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hoạt động các cơ quan tham mưu, giúp việc; tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại; nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của đảng bộ; là trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy. Trực tiếp quản lý tài sản, tài chính của Tỉnh ủy và các cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy, bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động của cấp ủy;

- **Ban Tổ chức Tỉnh ủy:** Là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm: tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của hệ thống chính trị trong tỉnh. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của Tỉnh ủy;

- **Cơ quan Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy:** Là cơ quan tham mưu giúp Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ tỉnh theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy giao. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của Tỉnh ủy;

- **Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy:** Là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng thuộc các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, lý luận chính trị, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, khoa giáo, biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tuyên giáo của Tỉnh ủy;

- **Ban Dân vận Tỉnh ủy:** Là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực tỉnh ủy về công tác dân vận (bao gồm cả công tác dân tộc, tôn giáo);

- **Ban Nội chính Tỉnh ủy:** Là cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng;

- **Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh:** Có chức năng tham mưu giúp việc cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc mà trực tiếp, thường xuyên là Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác mặt trận; đồng thời là cơ quan chuyên môn nghiệp vụ về công tác mặt trận theo quy định của Luật Mặt trận và Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- **Cơ quan Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh:** Có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban chấp hành mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác Đoàn theo quy định của Luật Thanh niên và Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- **Cơ quan Hội Nông dân tỉnh:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban chấp hành mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác Hội và phong trào nông dân theo quy định của Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam;

- **Cơ quan Hội Liên hiệp Phụ nữ:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban chấp hành mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác Hội theo quy định của Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

- **Cơ quan Hội Cựu Chiến binh tỉnh:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban chấp hành mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Hội Cựu Chiến binh cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác Hội theo quy định của Pháp lệnh Cựu Chiến binh và Điều lệ Hội Cựu Chiến binh Việt Nam;

- **Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh:** có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban chấp hành mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác công đoàn; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

- **Trường Chính trị Tỉnh:** là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Tỉnh đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Có chức năng đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cơ sở, cán bộ công chức, viên chức phù hợp với đặc điểm của địa phương theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở địa phương, cơ sở.

- **Báo Lâm Đồng:** là cơ quan ngôn luận của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đồng thời là cầu nối thông tin giữa Đảng, chính quyền với nhân dân địa phương; hoạt động theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- **Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh:** Lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong khối trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan và đoàn thể trong khối vững mạnh; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong khối chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tham gia tham mưu, đề xuất với tỉnh ủy về các chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng trong khối;

- **Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh:** Lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng trong khối thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong khối trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng doanh nghiệp và đoàn thể trong doanh nghiệp vững mạnh; kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên trong khối chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tham gia tham mưu, đề xuất với tỉnh ủy về các chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp thuộc tỉnh;

- **Các huyện, thành ủy:** Có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn;

2. Một số yếu tố tác động đến các hoạt động của các cơ quan:

a) Yếu tố khách quan:

- Lâm Đồng là một tỉnh Miền núi nằm ở khu vực Nam Tây nguyên, có địa bàn rộng lớn, với diện tích 9773,6 Km² và dân số gần 1,3 triệu người với 43 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó, tỷ lệ người đồng bào dân tộc chiếm 23,91% (riêng đồng bào người dân tộc thiểu số gốc Tây nguyên chiếm 16,67%); có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại III và 10 huyện, trong đó có 03 huyện đang nằm trong nhóm đơn vị hành chính loại 3.

- Nằm ở một vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh trong khu vực Tây Nguyên.

- Là địa phương có nhiều tiềm năng trong phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch, nhất là phát triển về du lịch, giáo dục, nông nghiệp công nghệ cao và một số lĩnh vực khác; Là một địa phương có nền văn hóa giao thoa giữa các vùng, miền trên cả nước.

b) Yếu tố chủ quan:

Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban chấp hành Trung ương, Bộ chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và của các bộ, ban, ngành của Trung ương. Bên cạnh đó Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đã chủ động phối hợp tốt với các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể chính trị Trung ương để nghiên cứu, triển khai tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch ... mà Trung ương đã ban hành; đồng thời Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đã tích cực nghiên cứu, xây dựng các nghị quyết, chương trình, kế hoạch ... phù hợp với tình hình của địa phương, sát với thực tế nhằm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh ngày một vững mạnh cũng như kinh tế của địa phương ngày càng phát triển hơn.

Tuy nhiên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Lâm Đồng vẫn còn không ít những khó khăn, thách thức cần được nghiên cứu, thực hiện; là một địa bàn mà các thế lực thù địch luôn tuyên truyền những luận điệu sai trái, hoạt động chống phá nhằm gây chia rẽ sự đoàn kết của các dân tộc anh em và trong các tôn giáo; ảnh hưởng mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế; tình hình dân trí cũng như trình độ cán bộ ở một số địa phương trong tỉnh nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào vẫn còn hạn chế, chưa thực sự đồng đều...

3. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

3.1. Về tổ chức bộ máy

Khối Đảng, Đoàn thể tỉnh Lâm Đồng hiện có 29 cơ quan, trong đó:

Các cơ quan khối Đảng gồm: Văn Phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

Cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh gồm: Cơ quan Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Cơ quan Hội Nông dân tỉnh, Cơ quan Hội

Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Cơ quan Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh, Cơ quan Hội Cựu chiến binh tỉnh.

Các huyện ủy, thành ủy bao gồm: Thành ủy Đà Lạt, Thành ủy Bảo Lộc; 10 Huyện ủy: Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tênh và Cát Tiên.

Các Đảng ủy khối gồm: Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh.

Các đơn vị sự nghiệp gồm: Trường Chính trị tỉnh, Báo Lâm Đồng.

3.2. Về biên chế:

- Biên chế Ban Tổ chức Trung ương phân bổ: 1.321 biên chế¹.

- Biên chế Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng giao bổ sung: 88 biên chế².

Đến ngày 01/3/2017, tổng số biên chế các cơ quan khối Đảng, Đoàn thể tỉnh Lâm Đồng là 1.409 biên chế; Trong đó: số biên chế đã phân bổ cho các đơn vị 1.382³; số biên chế dự phòng là 27 biên chế.

3.3. Về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

- Trình độ chuyên môn:

Trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Thạc sĩ	89	6,65	
Đại học	983	73,41	
Cao đẳng	30	2,24	
Trung cấp	116	8,66	
Sơ cấp	121	9,03	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ

- Trình độ lý luận chính trị:

Trình độ lý luận chính trị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
----------------------------	----------	-----------	---------

¹ Năm 2008, Ban Tổ chức Trung ương phân bổ 1.300 biên chế cho khối Đảng, Đoàn thể tỉnh Lâm Đồng; Ngày 09/7/2013, Ban Tổ chức Trung ương có Công văn số 5047 -CV/BTCTW về việc bổ sung 21 biên chế để thành lập Ban Nội chính Tỉnh ủy.

² Ngày 25/8/2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có Kết luận số 68 - KL/TU về việc giao bổ sung biên chế khối đảng, mặt trận, đoàn thể tỉnh Lâm Đồng là 88 biên chế, đã thực hiện 61 biên chế, (trong đó các cơ quan khối Đảng tỉnh: 20 biên chế; Đoàn thể tỉnh: 12 biên chế; Cơ quan Đảng huyện: 12 biên chế và 17 biên chế do sát nhập Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng tại chức tỉnh Lâm Đồng vào trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng tại Kết luận số 424-KL/TU ngày 07-03-2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng).

³ Khối cơ quan Đảng tỉnh là 340 biên chế; khối cơ quan mặt trận, đoàn thể tỉnh là 245 biên chế; khối huyện, thành ủy là 797 biên chế.

Cao cấp, cử nhân	528	39,43	
Trung cấp	304	22,70	
Sơ cấp	112	8,36	

- Về độ tuổi:

Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Từ 30 tuổi trở xuống	191	14,26	
Từ 31- 40 tuổi	466	34,80	
Từ 41 - 50 tuổi	307	22,93	
Từ 51- 60 tuổi	346	25,84	
Trên 60	29	2,17	cán bộ, công chức đang công tác ở Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, cấp huyện

3.4. Nhận xét đánh giá chung

- *Về cơ cấu tổ chức bộ máy:* Tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; các huyện, thành ủy là phù hợp với quy định của Trung ương và của Tỉnh; bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, việc bố trí bộ máy vẫn chưa thật sự tinh gọn và hiệu quả, chức năng, nhiệm vụ của một số phòng, ban chuyên môn còn chồng chéo hoặc bị bỏ sót công việc, dẫn đến sự né tránh trách nhiệm khi giao nhiệm vụ.

- *Về chất lượng đội ngũ cán bộ:* Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được đào tạo từng bước chuẩn hoá, cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức đều nhận thức rõ được chức năng nhiệm vụ được phân công, thể hiện tinh thần quyết tâm cao trong công việc, có ý chí phấn đấu vươn lên, không ngừng học tập rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, về trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức là đa lĩnh vực, đa ngành; hoạt động chủ yếu dựa vào kinh nghiệm thực tế và bồi dưỡng tập huấn nên gặp không ít khó khăn trong công tác quản lý điều hành và tham mưu thực hiện nhiệm vụ được giao. Còn thiếu nhiều cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, có khả năng dự báo, nắm bắt và xử lý tốt những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở; khả năng tổng kết từ thực tiễn, lý luận còn hạn chế dẫn đến công tác tham mưu trong lãnh đạo, chỉ đạo đối với một số ít nội dung tính chủ động, sáng tạo chưa cao và báo cáo sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng có mặt còn hạn chế, chất lượng chưa đảm bảo so với yêu cầu. Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công

chức còn có mặt hạn chế, đôi lúc chưa sát thực. Trong đánh giá, phân loại cán bộ về các nhiệm vụ được giao chưa cụ thể, chưa rõ mức độ hoàn thành công việc, có lúc còn mang tính bình quân trong thi đua, khen thưởng.

- *Về hệ thống quy chế, quy định, quy trình xử lý công việc:* Vẫn còn vướng mắc trong điều hành, trong tham mưu văn bản chưa phát huy được tối đa trí tuệ tập thể (nhất là trong tập thể lãnh đạo phòng, ban) và phối hợp ý kiến giữa các phòng, ban (hiện nay đang ủy thác hoàn toàn cho phòng, ban được giao chủ trì); quy trình xử lý ban hành văn bản thực hiện chưa thật sự đồng bộ, nhịp nhàng.

- *Về công tác cải cách hành chính, cải tiến phương pháp, lề lối làm việc:* Có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn một số khó khăn trong việc quán xuyến tiến độ xử lý văn bản đi và đến trong các địa phương, cơ quan, đơn vị; vẫn còn không ít văn bản chậm tiến độ, chất lượng chưa cao; việc báo cáo thống kê các dữ liệu cơ bản vẫn chưa hoàn thiện.

- *Về số lượng biên chế được giao:* Tỉnh ủy Lâm Đồng luôn bám sát số lượng biên chế được giao để tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí, phân bổ cán bộ, công chức, nhân viên phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao. Tuy nhiên, số lượng vẫn còn thiếu so với quy định.

- *Về cơ cấu ngạch đối với cán bộ, công chức:* Hiện nay chưa hợp lý dẫn đến một số mảng công việc và nhiệm vụ thuộc ngạch chuyên viên chính nhưng do ngạch chuyên viên đảm nhận; thuộc ngạch chuyên viên cao cấp lại do ngạch chuyên viên chính đảm nhận. Số lượng công chức, viên chức chưa qua đào tạo về lý luận chính trị còn nhiều.

III. Cơ sở chính trị, pháp lý

1. Quy định quản lý công chức, viên chức và xác định vị trí việc làm

1.1. Quy định của Đảng

- Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Quyết định số 450-QĐ/TCTW, ngày 22/12/1998 của Ban Tổ chức Trung ương, quyết định về ban hành danh mục chức danh gốc và tiêu chuẩn chung một số chức danh cán bộ công chức cơ quan đảng, đoàn thể;

- Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW, ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội;

1.2. Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy

- Quy định số 42-QĐ/TW, ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư Trung ương về "nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy";

- Quy định số 219-QĐ/TW, ngày 27/12/2013 của Ban Bí thư Đảng quy định về "chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, thành ủy";

- Quy định số 220-QĐ/TW, ngày 27/12/2013 của Ban Bí thư về "chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy";

- Quy định số 282-QĐ/TW, ngày 01/4/2015 của Ban Bí thư về "chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện";

- Quy định số 183-QĐ/TW, ngày 8/4/2013 của Ban Bí thư về "chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của ban nội chính tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương";

- Quy định số 293-QĐ/TW, ngày 23/3/2010 của Ban Bí thư về "chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy khối các cơ quan tỉnh, thành phố";

- Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 23/3/2010 của Ban Bí thư về "chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố";

- Hướng dẫn số 23-HD/BTCTW, ngày 24/12/2008 của Ban Tổ chức Trung ương về "chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố";

- Quy chế số 03-QC/TU, ngày 06/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa X, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

2. Các văn bản quy phạm pháp luật

- Luật cán bộ công chức số 22/2008/QH12, ngày 13/11/2008; Luật viên chức.

- Nghị định số 36/2013/NĐ-CP, ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 41/2012/NĐ-CP, ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 14/2012/TT-BNV, ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP, ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 05/2013/TT-BNV, ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP, ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

IV. Nội dung chính của đề án

1. Các hoạt động của đề án

Thực hiện Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, ngày 19/9/2016 Ban thường vụ Tỉnh ủy đã có Công văn số 956 -CV/TU về việc triển khai xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Ban thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tại các cơ quan, đơn vị mình.

Để đảm bảo tiến độ thời gian theo quy định, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 379-QĐ/TU ngày 19/10/2016, thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh Lâm Đồng do đồng chí Trần Đức Quận - Phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban Chỉ đạo và đồng chí Trần Duy Hùng - Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy là Tổ trưởng Tổ giúp việc. Ngày 09/12/2016 Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh Lâm Đồng đã họp triển khai xây dựng đề án.

- Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh rà soát về chức năng, nhiệm vụ, thực trạng cán bộ, công chức, người lao động hiện có. Đề xuất quy định về chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, về cơ cấu cán bộ, công chức; dự kiến số lượng biên chế thực hiện tinh giảm, dôi dư sau sắp xếp và phương án bố trí, giải quyết; Trên cơ sở kết quả xác định lại chức năng, nhiệm vụ, các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh xây dựng vị trí việc làm gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định.

- Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp và xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở tỉnh Lâm Đồng theo Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Tổ giúp việc, Ban Chỉ đạo trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

2. Sản phẩm của đề án

- *Bản dự thảo Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở tỉnh Lâm Đồng với các nội dung (Phụ lục số 02 theo HD số 04-HD/BTCTW):*

- (1). Dự thảo số lượng, tên gọi của vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị
- (2). Dự kiến biên chế

(3). Dự kiến cơ cấu ngạch công chức

(4). Các bản mô tả công việc của vị trí việc làm trong các cơ quan

(5). Các kiến nghị, đề xuất.

V. Kết quả của việc triển khai xây dựng đề án

1. Phát hiện việc bỏ sót, chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, bất cập trong tổ chức bộ máy và quản lý biên chế

- Các quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp chưa có sự thống nhất về số lượng cấp phó của người đứng đầu (trừ các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh uỷ và cơ quan báo của Đảng).

- Số lượng đầu mối các phòng (trực thuộc cơ quan Đảng cấp tỉnh), ban (trực thuộc các đoàn thể cấp tỉnh) chưa thực sự tinh giản, gọn nhẹ. Số cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chiếm tỷ lệ khá cao. Nguyên nhân cơ bản là do các cơ quan, đơn vị có nhiều đầu mối phòng, ban trong khi biên chế ít, mặt khác do chưa có quy định thống nhất về số lượng cấp phó các phòng, ban, bộ phận trong các cơ quan, đơn vị.

- Quản lý biên chế, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước vẫn còn bất cập: Trong khi Ban Tổ chức Trung ương giao biên chế cho các tỉnh thì Tổng Liên đoàn Lao động cũng giao biên chế cho Liên đoàn Lao động cấp tỉnh dẫn đến chồng chéo, bất cập trong quản lý biên chế.

- Liên đoàn lao động cấp huyện là một tổ chức trong hệ thống chính trị cấp huyện, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhưng về tổ chức, quản lý biên chế, nhiệm vụ thuộc ngành dọc cấp trên. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ còn gặp những khó khăn, bất cập, đặc biệt là trong lãnh đạo, quản lý tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, đánh giá cán bộ, công chức còn chồng chéo, thiếu thống nhất giữa địa phương và ngành dọc cấp trên trực tiếp.

2. Sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo hướng

- Thực hiện nhất thể hóa chức danh: Trưởng Ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận cấp cấp huyện, thành phố.

- Thực hiện kiêm nhiệm: Trưởng Ban Tuyên giáo huyện ủy, thành ủy kiêm Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, bộ máy giúp việc của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thuộc Ban Tuyên giáo huyện ủy, thành ủy, kế toán Văn phòng huyện, thành ủy đảm nhiệm kế toán Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

- Sáp nhập các phòng, ban ở các cơ quan cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ tương đồng:

+ Ban Tổ chức Tỉnh ủy: sáp nhập phòng Chính sách cán bộ vào phòng Tổ chức - Cán bộ thành phòng Tổ chức - Cán bộ, một số nhiệm vụ của phòng Chính sách cán bộ chuyển sang Văn phòng Ban phụ trách.

+ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: sáp nhập phòng Khoa giáo vào phòng Văn hóa - Văn Nghệ thành phòng Khoa giáo - Văn hóa - Văn Nghệ, phòng Tuyên truyền - Báo chí - Xuất bản với Trung tâm Thông tin công tác Tuyên giáo thành phòng Thông tin - Tuyên truyền.

+ Trường Chính trị tỉnh không thành lập Trung tâm Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

+ Báo Lâm Đồng: sáp nhập 02 phòng Kinh tế và phòng Văn xã thành phòng Kinh tế - Văn hóa - Xã hội. Không thành lập phòng Bạt đọc - Quảng cáo.

+ Nhà Thiếu nhi tỉnh và Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu nhi: Không thành lập phòng.

VI. Tóm tắt quá trình xây dựng đề án và kết quả

- Tổ chức thực hiện: căn cứ vào mảng công việc, nhiệm vụ của từng phòng, ban trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh để xây dựng bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm mà cán bộ, công chức đang phụ trách; từ đó xác định mảng công việc và các nhiệm vụ cụ thể để tổ chức thực hiện.

- Trên cơ sở kết quả xác định lại chức năng, nhiệm vụ, Lãnh đạo các cấp ủy, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh tổ chức họp so sánh hiện trạng vị trí việc làm, rà soát đánh giá hiệu quả từng công việc, từng vị trí việc làm cụ thể và đi đến thống nhất về số lượng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của đơn vị mình, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt cụ thể như sau:

+ *Đối với cấp huyện, thành phố*: Ban Tổ chức các huyện, thành ủy thẩm định Đề án, tổng hợp danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; xây dựng Đề án chung của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện, thành ủy trình Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy ký văn bản gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

+ *Đối với cấp Tỉnh*: Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định Đề án, tổng hợp danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; xây dựng Đề án chung của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ký văn bản gửi Ban Tổ chức Trung ương.

Phần 2

KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU NGẠCH

I. Tổng hợp khung vị trí việc làm

Tổng số vị trí việc làm trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp công lập là **148** vị trí.

1. Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổng số 99 vị trí, trong đó:

- + Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành: **34** vị trí.
- + Vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn, nghiệp vụ: **58** vị trí.
- + Vị trí thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: **7** vị trí.

2. Các đơn vị sự nghiệp tổng số 49 vị trí, trong đó:

- + Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành: **14** vị trí.
- + Vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn, nghiệp vụ: **21** vị trí.
- + Vị trí thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ: **14** vị trí.

B. Dự kiến biên chế của các cơ quan

Đến năm 2021, tỷ lệ tinh giản biên chế tối thiểu 10% tổng biên chế được giao theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, cụ thể:

Tổng biên chế được giao: 1.382

Tổng biên chế dự kiến: 1.089 (1.024 biên chế và 65 hợp đồng theo ND 68)

Tỷ lệ tinh giản biên chế: 293 (đạt 21,20%).

Tổng số hợp đồng theo Nghị định 68 dự kiến: 65

(có các biểu 6,7,8 kèm theo)

C. Dự kiến cơ cấu ngạch (số lượng và tỷ lệ %)

- Ngạch chuyên viên cao cấp: 35 (3,21%)
- Ngạch chuyên viên chính: 270 (24,77%)
- Ngạch chuyên viên: 609 (55,87%)
- Ngạch khác: 175 (16,05%)

Phần 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Về lộ trình thực hiện đề án

1. Giai đoạn 1 (Từ năm 2017 đến năm 2018)

- Phê duyệt đề án Vị trí việc làm của các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng mới quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Xây dựng các quy định, quy chế, quy trình liên quan đến công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện thống nhất việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả sản phẩm công việc hoàn thành.

- Thực hiện giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị gắn với từng bước thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình của các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện tuyển dụng, bố trí sử dụng, luân chuyển, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Chuẩn bị điều kiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan, đơn vị theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

2. Giai đoạn 2 (Từ năm 2019 đến năm 2021):

- Đánh giá sơ kết giai đoạn 1 thực hiện đề án (Quý I năm 2019).

- Triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy trong các cơ quan, đơn vị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

- Rà soát, đánh giá về cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị. Phân loại công chức, viên chức theo hướng: Bố trí lại công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu năng lực của vị trí việc làm. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch và đề án đã xây dựng.

- Căn cứ đề án để thực hiện việc giao chỉ tiêu biên chế, tuyển dụng, bố trí cán bộ, thi nâng ngạch.

II- Phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện đề án

Sau khi Đề án Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được Ban Tổ chức Trung ương phê duyệt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành:

1. Giao Ban Chỉ đạo: Phê duyệt đề án của các địa phương, cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Hướng dẫn và quản lý danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình giao biên chế cho các địa phương, cơ quan, đơn vị để bảo đảm đến năm 2021 tinh giản tối thiểu 10% biên chế được giao.

- Chủ trì tham mưu chính sách cho cán bộ, công chức khi thực hiện tinh giản biên chế.

- Theo dõi, đề xuất hình thức khen thưởng đối với đơn vị thực hiện tốt;

kiểm điểm, phê bình đối với đơn vị triển khai không hiệu quả.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về đề án.
- Chỉ đạo các cơ quan thông tin đưa tin về đề án trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Hướng dẫn việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo cấp ủy huyện, thành phố sau khi sáp nhập Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

4. Văn phòng Tỉnh ủy

- Tổng hợp dự toán, quyết toán kinh phí xây dựng và triển khai đề án.
- Chủ trì tham mưu việc rà soát, đánh giá quy chế phối hợp giữa Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy.

5. Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy.

- Căn cứ đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện đề án có hiệu quả.
- Hoàn thiện danh mục, bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt đề án.
- Có kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế đến năm 2021.
- Từng bước sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Xây dựng đề án, kế hoạch sáp nhập theo đề án được phê duyệt.
- Thực hiện nghiêm việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo mức độ hoàn thành công việc, tránh hình thức, cào bằng.
- Định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm, báo cáo kết quả triển khai đề án của địa phương, cơ quan, đơn vị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

Phần 4

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Xây dựng vị trí việc làm phải có tính kế thừa những ưu điểm và khắc phục nhược điểm trong quản lý cán bộ, công chức; phải theo trình tự phù hợp và có sự đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức. Những chủ trương, cách làm mới có tính phức tạp, mức độ khó khăn cần phải đánh giá tác động, tiến hành thí điểm, rút kinh nghiệm sau đó nhân rộng triển khai thực hiện. Cần có lộ trình thực hiện việc chuyển từ mô hình quản lý chức nghiệp sang mô hình quản lý theo vị trí việc làm nhằm từng bước hoàn chỉnh, tránh lãng phí nhân lực, vật lực trong quá trình triển khai.

2. Cần sớm có chính sách đổi mới về chế độ tiền lương đối với đội ngũ cán bộ, công chức cho phù hợp với mức độ phát triển kinh tế góp phần ổn định đời sống cho cán bộ, công chức. Hiện nay thang, bảng lương còn nhiều bất cập, khoảng cách giữa hai bậc lương nhỏ và có số lẻ (gây khó khăn trong việc tính toán khi làm tròn), vì vậy chưa khuyến khích, động viên cán bộ, công chức phấn đấu trong công tác, dẫn đến tình trạng cán bộ, công chức chưa thật sự tận tâm trong công việc. Sau khi Đề án Vị trí việc làm được ban hành, cần nghiên cứu có chính sách trả lương theo từng vị trí việc làm tạo sự công bằng trong toàn thể cán bộ, công chức.

3. Việc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, đề nghị Trung ương sửa đổi điểm g, tiết 1 Điều 6 “*có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, mỗi năm có tổng số ngày nghỉ làm việc là số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành*” vì thực hiện theo quy định này cần nhiều thủ tục rườm rà không cần thiết, gây khó khăn cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu tinh giản biên chế. Đồng thời xem xét phân cấp việc xét duyệt các trường hợp đề nghị tinh giản biên chế về cho địa phương thực hiện sau đó báo cáo Bộ nội vụ, Bộ Tài chính theo quy định.

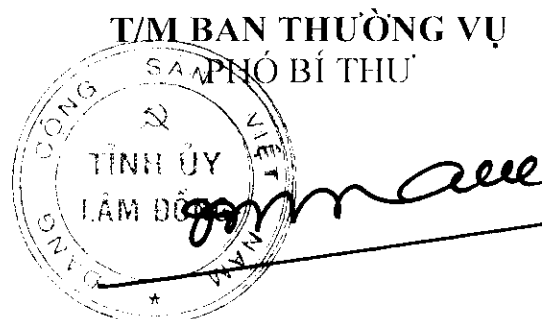
4. Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương mở rộng đối tượng thi nâng ngạch từ chuyên viên chính lên Chuyên viên cao cấp đối với các đồng chí Tỉnh ủy viên.

5. Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương tăng chỉ tiêu đào tạo Cao cấp lý luận chính trị và các lớp cử nhân chính trị đối với tỉnh Lâm Đồng.

Trên đây là Đề án Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp tỉnh Lâm Đồng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo Ban Tổ chức Trung ương xem xét phê duyệt./-2h

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức TW;
- Các Đ/c Ban Thường vụ;
- Các Đ/c Ban Chỉ đạo;
- Lưu VPTU, Ban TCTU.



Trần Đức Quận

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGÁCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY BẢO LÂM

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
	TỔNG	49	3		1	10	33	1	
1	Lãnh đạo huyện ủy	3			1	2			
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành								
1.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1				
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	2				2			
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X				
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X			
2	Ban Tổ chức huyện ủy	5							
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2							
2.1.1	Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1						1	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3							
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				X			
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng	3						3	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	5				1	4	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4				1	3	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
2.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiêm)	KN				X		
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	1					1	
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)	KN				X		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3	
5	Ban Dân vận huyện ủy	4				1	3	
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiêm Chủ tịch UBMTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	2 1				1		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mật trấn (Trưởng ban kiểm)	KN				x		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Dân vận	2					2	
6	Văn phòng huyện ủy	9	2			1	4	
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiểm)	KN				x		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	2					6
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư, thủ quỹ	1						1
6.3.3	Lưu trữ	1						1
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2
6.3.6	Tập vụ							
6.3.7	Bảo vệ							

TT	Đơn vị/ Tên VT/VL	Biểu ché	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	5	1				4	1
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3					3	
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng Ban Dân vận huyện ủy kiêm) (Kiêm công tác chuyên môn)	KN					x	
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1	1					1
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư lưu trữ							
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4				1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
8.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2					2	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3				1	2	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1	
10	Huyện đoàn	4				1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				x		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác thanh niên	2					2	
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2					2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh	5						

PHỤ LỤC 5

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY ĐƠN DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Phân theo ngạch				
			CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	48		1	9	33	5
1	Lãnh đạo huyện ủy	2		1	1		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành						
1.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	1		1			
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ						
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN		x			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN			x		
2	Ban Tổ chức huyện ủy	5			1	4	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2			1	1	
2.1.1	Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3				3	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN			x		
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác xây dựng Đảng	3				3	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Phân theo ngạch				
			CG	CVCC	CVC	CV	Khác
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	4			1	3	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3			1	2	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1				1	
2.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiêm)	KN			X		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	1				1	
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5			1	4	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2			1	1	
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3				3	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)						
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3				3	
5	Ban Dân vận huyện ủy	4			1	3	
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2			1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiêm Chủ tịch UBMTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
		2					

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Phân theo ngạch				
			CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2				2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiểm)	KN			X		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận	2				2	
6	Văn phòng huyện ủy	9			1	4	4
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3			1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2				2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	6				2	4
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiểm)	KN			X		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu tổng hợp	2				2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4					4
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1					1
6.3.2	Văn thư, thủ quỹ	1					1
6.3.3	Lưu trữ	1					1
6.3.4	Công nghệ thông tin	1					1
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)						
6.3.6	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)						
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)						

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Phân theo ngạch				
			CG	CVCC	CVC	CV	Khác
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	6				5	1
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4				4	
7.1.1	Chủ tịch (Trường ban Dân vận huyện ủy kiêm) (Kiểm công tác chuyên môn)	KN				x	
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	2				2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiểm công tác chuyên môn)	2				2	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1				1	
7.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác mặt trận	1				1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1					1
7.3.1	Kế toán	1					1
7.3.2	Văn thư lưu trữ						
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)						
7.3.4	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)						
7.3.5	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)						
8	Hội Nông dân huyện	4			1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2			1	1	
8.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2				2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN			x		
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2				2	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Phân theo ngạch				
			CG	CVCC	CVC	CV	Khác
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3			1	2	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2			1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1				1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN			x		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1				1	
10	Huyện đoàn	4			1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2			1	1	
10.1.1	Bí Thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2				2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN			x		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác thanh niên	2				2	
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2				2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ						
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh (Kiểm)	KN					

PHỤ LỤC 6
DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY CÁT TIÊN
(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	47	2		1	9	31	8
1	Lãnh đạo huyện ủy	2			1	1		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiêm công tác chuyên môn)	1			1			
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X		
2	Ban Tổ chức huyện ủy	5				1	4	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
2.1.1	Trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				X		
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	3					3	

TT	Đơn vị/ Tên VT/VL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngành				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	4				1	3	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
2.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiểm)	KN				x		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	1					1	
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
4.1.1	Trưởng ban kiểm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiểm)	KN				x		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3	
5	Ban Dân vận huyện ủy	4				1	3	
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiểm Chủ tịch UBMTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
		2						

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngành				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiêm)	KN				X		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận	2					2	
6	Văn phòng huyện ủy	9	2			1	4	6
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	6
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiêm)	KN				X		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	2					6
6.3.1	Kế toán (Kiêm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2
6.3.6	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	5					4	1
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3					3	
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng ban Dân vận huyện ủy kiêm)	KN				x		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi công tác mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1						1
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư lưu trữ							
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4				1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
8.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2					2	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	4 ₃				1	2	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1	
10	Huyện đoàn	4				1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				x		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Thanh niên	2					2	
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2					1	1
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					1	1
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1						1
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh (kiêm)	KN						

PHỤ LỤC 7

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY LÂM HÀ

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 04 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	48	4		1	9	33	9
1	Lãnh đạo huyện ủy	2			1	1		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1.1	Bí thư huyện, thành uỷ (Kiểm công tác chuyên môn)	1		1				
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành uỷ (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1			
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			x			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				x		
2	Ban Tổ chức huyện ủy	5				1	4	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
2.1.1	Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				x		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch			
				CG	CVCC	CVC	CV
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	3					3
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	5				1	4
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1	
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2
2.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiểm)	KN				x	
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	2					2
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1
4.1.1	Trưởng ban kiểm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1	
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiểm)	KN				x	
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5	Ban Dân vận huyện ủy	4				1	3	
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiểm tra Chủ tịch UBND huyện (Kiểm tra công tác chuyên môn)	1				1		
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm tra công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiểm tra)	KN				x		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận	2					2	
6	Văn phòng huyện ủy	9	3			1	4	7
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm tra công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm tra công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiểm tra)	KN				x		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	3					7
6.3.1	Kế toán (Kiểm tra Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2
6.3.6	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	5	1				4	2
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3					3	
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng Ban Dân vận huyện ủy kiêm)	KN				x		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi công tác mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1	1					2
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư lưu trữ							
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4				1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngành				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
8.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2					2	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3				1	2	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1	
10	Huyện đoàn	4				1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				x		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Thanh niên	2					2	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2					2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh							

PHỤ LỤC 8

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC - THÀNH ỦY ĐÀ LẠT

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	53	3		1	9	38	7
1	Lãnh đạo Thành ủy	2			1	1		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1.1	Bí thư Thành ủy (Kiêm công tác chuyên môn)	1		1				
1.1.2	Phó Bí thư Thành ủy (Kiêm công tác chuyên môn)	1			1			
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			x			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				x		
2	Ban Tổ chức Thành ủy	6				1	5	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
2.1.1	Trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				x		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch			
				CG	CVCC	CVC	CV
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	3					3
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	6				1	5
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	5				1	4
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiêm)	KN				x	
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	1					1
4	Ban Tuyên giáo Thành ủy	7				1	6
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4					4
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)	KN				x	
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	4					4
5	Ban Dân vận Thành ủy	4				1	3

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiểm tra Chủ tịch UBND huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiểm)	KN				x		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận	2					2	
6	Văn phòng Thành ủy	9	2			1	4	6
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiểm)	KN				x		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	2					6
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT thành phố)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngành				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2
6.3.6	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN Thành phố	6	1				5	1
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4					4	
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng Ban Dân vận Thành ủy kiêm)	KN				x		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi công tác mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1	1					1
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư lưu trữ (Kiêm)							
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân thành phố	4				1	3	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch			
				CG	CVCC	CVC	CV
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1
8.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x	
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2					2
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	3				1	2
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1
9.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				x	
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1
10	Thành đoàn	4				1	3
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1
10.1.1	Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1	
10.1.2	Phó Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				x		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Thanh niên	2					2	
11	Hội Cựu chiến binh thành phố	2					2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh							

PHỤ LỤC 9

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 04 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	47	3		1	10	30	9
1	Lãnh đạo huyện ủy	3			1	2		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1.1	Bí thư huyện, thành uỷ (Kiêm công tác chuyên môn)	1			1			
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành uỷ (Kiêm công tác chuyên môn)	2				2		
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			x			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				x		
2	Ban Tổ chức huyện ủy	5				1	4	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
2.1.1	Trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				x		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	3					3	
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	4				1	3	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiêm)	KN				x		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	1					1	
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)	KN				x		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3	
5	Ban Dân vận huyện ủy	4				1	3	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiểm Chủ tịch UBNDTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiểm)	KN				x		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận	2					2	
6	Văn phòng huyện ủy	8	3			1	4	6
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	6
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiêm)	KN				x		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	3	3					6
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ (kiêm)							
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngành				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2
6.3.6	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	5					4	1
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3					3	
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng ban Dân vận huyện ủy kiêm)	KN				x		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực	1					1	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi công tác mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1						1
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư lưu trữ							
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4				1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngành				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
8.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2					2	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3				1	2	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1	
10	Huyện đoàn	4				1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				x		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Thanh niên	2					2		
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2						2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2						2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1						1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1						1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh								

PHỤ LỤC 10

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC - THÀNH ỦY BẢO LỘC

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 04 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	58	2		1	9	42	2
1	Lãnh đạo Thành uỷ	2			1	1		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1.1	Bí thư Thành uỷ (Kiêm công tác chuyên môn)	1			1			
1.1.2	Phó Bí thư Thành uỷ (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X		
2	Ban Tổ chức Thành uỷ	8				1	7	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
2.1.1	Trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	5					5	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				X		
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	5					5	

TT	Đơn vị/Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	6				1	5	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	5				1	4	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiêm)	KN				X		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	1					1	
4	Ban Tuyên giáo Thành ủy	7				1	6	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TTBDCT thành phố (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4					4	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)	KN				X		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	4					4	
5	Ban Dân vận Thành ủy	5				1	4	
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiêm Chủ tịch UBMTTQ thành phố (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		

TT	Đơn vị/ Tên VT/VL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1						1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3		
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiêm)	KN				x			
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận	3					3		
6	Văn phòng Thành uỷ	9	2			1	4		
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2		
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2		
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2		
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiêm)	KN				x			
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2		
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	2					6	
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT thành phố)	1						1	
6.3.2	Văn thư	1						1	
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1	
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1	
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2	
6.3.6	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)								
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)								
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN thành phố	7					5	2	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4							
7.1.1	Chủ tịch (Trường ban Dân vận huyện ủy kiêm)	KN				x	4		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2		
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2		
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1		
7.2.1	Theo dõi công tác mặt trận	1					1		
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2							2
7.3.1	Kế toán	1							1
7.3.2	Văn thư, thủ quỹ	1							1
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP)								
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP)								
7.3.5	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP)								
8	Hội Nông dân thành phố	4				1	3		
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1		
8.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1			
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1		
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2		
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x			
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2					2		
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	3				1	2		
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
9.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				X		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1	
10	Thành đoàn	5				1	4	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
10.1.3	Phó giám đốc Nhà thiếu nhi (Kiêm)							
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				X		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Thanh niên	2					2	
10.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1					1	
10.3.1	Văn phòng, Văn thư, Lưu trữ, thủ quỹ (Kiêm)							
10.3.2	Kế toán	1					1	
11	Hội Cựu chiến binh thành phố	2					2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh							

PHỤ LỤC II

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGÁCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY ĐẠ HUOI

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khả
	TỔNG	46	3		1	9	29	10
1	Lãnh đạo huyện ủy	2			1	1		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiếm công tác chuyên môn)	1			1			
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1		
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác Xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			x			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				x		
2	Ban Tổ chức huyện ủy	4				1	3	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
2.1.1	Trưởng ban (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				x		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khả
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	2					2	
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	4				1	3	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4				1	3	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiêm)	KN				x		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng (Kiêm)							
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)	KN				x		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3	
5	Ban Dân vận huyện ủy	4				1	3	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khả
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiểm Chứng UBMTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiểm)	KN				x		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận	2					2	
6	Văn phòng huyện ủy	8	2			1	4	5
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng ((Chánh văn phòng kiểm)	KN				x		
6.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	3	2					5
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1
6.3.4	Công nghệ thông tin							

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khả
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2
6.3.6	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7	Cơ quan Ủy ban Mật trận Tổ quốc VN huyện	6	1				4	3
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3					3	
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng ban Dân vận huyện ủy kiêm)	KN				X		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi công tác mật trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	1					3
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư, thủ quỹ	1						1
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4				1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khả
8.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2					2	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3				1	2	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1	
10	Huyện đoàn	4				1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				x		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khảo	
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Thanh niên	2					2		
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2						2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2						2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1						1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1						1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh								

PHỤ LỤC 12

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY ĐẠ TỈNH

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 04 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
	TỔNG	46	4		1	9	28	12	
1	Lãnh đạo huyện ủy	2			1	1			
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành								
1.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1				
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X				
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X			
2	Ban Tổ chức huyện ủy	4				1	2	1	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1		
2.1.1	Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1		
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					1	1	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				X			

TT	Đơn vị/Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	2					1	1
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	4				1	3	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiêm)	KN				x		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	1					1	
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TT BDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)	KN				x		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giảng viên, Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3	
5	Ban Dân vận huyện ủy	3				1	2	

TT	Đơn vị/ Tên VT.VL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
5.1.1	Trưởng ban kiểm Chủ tịch UBNDTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiểm)	KN				x		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận	1					1	
6	Văn phòng huyện ủy	9	4			1	4	8
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiểm)	KN				x		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	4					8
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2
6.3.6	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	6					3	3
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3					2	1
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng ban Dân vận huyện ủy kiêm)	KN				X		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	1						1
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2						2
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư, thủ quỹ	1						1
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4					1	3

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
8.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				X		
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân	2					2	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3				1	2	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				X		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1	
10	Huyện đoàn	4				1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bi thư kiêm)	KN				x		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Thanh niên	2					2	
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2					2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh (Kiêm)							

PHỤ LỤC 13

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGÁCH CÔNG CHỨC - ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP TỈNH

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	17	1		1	5	8	4
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1	Bí thư Đảng uỷ (Kiêm công tác chuyên môn)	1			1			
1.2	Phó Bí thư Đảng uỷ (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
1.3	Trưởng ban Đảng (Kiêm công tác chuyên môn)	2				2		
1.4	Chủ nhiệm UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
1.5	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
1.6	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (Kiêm công tác chuyên môn)	1						1
1.7	Bí thư Đoàn thanh niên (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
1.8	Phó ban Đảng (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
1.9	Phó Chủ nhiệm UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
1.10	Phó Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
1.11	Phó bí thư Đoàn khối (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngành					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN				X			
2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)								
2.3	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức Xây dựng Đảng (Trưởng ban Tổ chức kiêm)	KN				X			
2.4	Chuyên viên chính về công tác Tuyên giáo - Dân vận (Trưởng ban Tuyên giáo - Dân vận kiêm)	KN				X			
2.5	Kiểm tra viên chính công tác Kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng (Chủ nhiệm UBNDT kiêm)	KN				X			
2.6	Chuyên viên chính công tác văn phòng (Chánh văn phòng kiêm)	KN				X			
2.7	Theo dõi, tham mưu tổng hợp - Văn phòng	1					1		
2.8	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng	1					1		
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ								
3.1	Kế toán	1							1
	Văn thư	1							1
3.2	Thủ quỹ (Kiêm)								
	Lưu trữ (Kiêm)								
3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1						1

PHỤ LỤC 14

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGÁCH CÔNG CHỨC - ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2017)

TT	Đơn vị/Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	16	1		1	4	10	2
1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1	Bí thư Đảng uỷ (Kiếm công tác chuyên môn)	1			1			
1.2	Phó Bí thư Đảng uỷ (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1		
1.3	Trưởng ban Đảng (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1		
1.4	Chủ nhiệm UBKT (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1		
1.5	Chánh văn phòng (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1		
1.6	Bí thư Đoàn thanh niên (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1	
1.7	Phó ban Đảng (Kiếm công tác chuyên môn)	2					2	
1.8	Phó Chủ nhiệm UBKT (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1	
1.9	Phó Chánh văn phòng (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1	
1.10	Phó bí thư Đoàn khối (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1	
1.11	Ủy viên UBKT Đảng uỷ (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1	

TT	Đơn vị/ Tên VT/L	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X				
2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X			
2.3	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng ban tổ chức kiêm)	KN				X			
2.4	Kiểm tra viên chính công tác Kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng (Chủ nhiệm UBKT kiêm)	KN				X			
2.5	Chuyên viên chính công tác văn phòng (Chánh văn phòng kiêm)	KN				X			
2.6	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng	2					2		
2.7	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Dân vận	1					1		
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ								
3.1	Kế toán	1						1	
3.2	Văn thư (kiêm)								
3.3	Lưu trữ (kiêm)								
3.4	Thủ quỹ (kiêm)								
3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1						1

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY ĐỨC TRỌNG

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 04 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	49	5		1	9	34	10
1	Lãnh đạo huyện ủy	2			1	1		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiếm công tác chuyên môn)	1			1			
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1		
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X		
2	Ban Tổ chức huyện ủy	5						
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2						
2.1.1	Trưởng ban (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3						
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				X		
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng	3					3	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	6				1	5	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiểm)	KN				X		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	3					3	
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
4.1.1	Trưởng ban kiểm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiểm)	KN				X		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3	
5	Ban Dân vận huyện ủy	4				1	3	
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngành				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5.1.1	Trưởng ban kiểm Chủ tịch UBNDTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiểm)	KN				X		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Dân vận	2					2	
6	Văn phòng huyện ủy	9	4			1	4	8
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiểm)	KN				X		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	4					8
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2
6.3.6	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	5	1				4	2
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3					3	
7.1.1	Chủ tịch (Trường Ban Dân vận huyện ủy kiêm) (Kiêm công tác chuyên môn)	KN				X		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1	1					2
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư lưu trữ							
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1
7.3.4	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4				1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
8.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				X		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác nông dân	2					2	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3				1	2	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác phụ nữ	1					1	
10	Huyện đoàn	4				1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				x		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác thanh niên	2					2	
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2					2	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					2	
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh (Kiêm)	KN						

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGÁCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY DI LINH

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngách					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
	TỔNG	54			1	10	36	7	
1	Lãnh đạo huyện ủy	3			1	2			
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành								
1.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiêm công tác chuyên môn)	1			1				
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiêm công tác chuyên môn)	2				2			
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X				
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X			
2	Ban Tổ chức huyện ủy	5				1	4		
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1		
2.1.1	Trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1			
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1		
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3						3	
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				X			
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	3						3	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khá
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	5				1	4	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4				1	3	
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiêm)	KN				X		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	1					1	
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3	
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)	KN				X		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3	
5	Ban Dân vận huyện ủy	4				1	3	
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khả
5.1.1	Trưởng ban kiểm Chủ tịch UBNDTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiêm)	KN				X		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Dân vận	2					2	
6	Văn phòng huyện ủy	9				1	4	4
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiêm)	KN				X		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4						4
6.3.1	Kế toán (Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1
6.3.4	Công nghệ thông tin	1						1
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
6.3.6	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)	3						

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	7					5	2
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4					4	
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng ban Dân vận HU kiêm) (Kiểm công tác chuyên môn)	KN				x		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2						2
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư lưu trữ	1						1
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4				1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
8.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2						2
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác nông dân	2					2	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3				1	2	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
9.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				X		
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ	1					1	
10	Huyện đoàn	4				1	3	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
10.1.1	Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
10.1.2	Phó Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				X		
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác thanh niên	2					2	
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2					1	1
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					1	1
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1						1
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh (Kiêm)							
12	Nguồn cán bộ luân chuyển về cơ sở (TCXDD, công tác Thanh niên, Trung tâm BDCT huyện)	3					3	

PHỤ LỤC I

DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGÁCH CÔNG CHỨC - HUYỆN ỦY LẠC DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngách				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
	TỔNG	47	2		1	10	32	6
1	Lãnh đạo huyện ủy	3			1	2		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành							
1.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1			
1.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	2				2		
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ							
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X			
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X		
2	Ban Tổ chức huyện ủy	5						
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2						
2.1.1	Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1		
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1	
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3						
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				X		
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	3						3

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	4				1	3		
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4				1	3		
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1		
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	2					2		
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm UBKT kiểm)	KN				x			
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	KN							
4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	5				1	4		
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1		
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc TTBDCT huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1		
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3					3		
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiêm)	KN				x			
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	3					3		
5	Ban Dân vận huyện ủy	4				1	3		
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1		

TT	Đơn vị/ Tên VT/VL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
5.1.1	Trưởng ban kiêm Chủ tịch UBND TTQ huyện (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban kiêm)	KN				x		
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Dân vận	2					2	
6	Văn phòng huyện ủy	8	2			1	4	5
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3				1	2	
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng kiêm)	KN				x		
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	2					2	
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	3	2					5
6.3.1	Kế toán (Kiêm Kế toán Trung tâm BDCT huyện)	1						1
6.3.2	Văn thư	1						1
6.3.3	Lưu trữ, thủ quỹ	1						1
6.3.4	Công nghệ thông tin (Kiêm)							
6.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP)		2					2
6.3.6	Tập vụ (Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP)							

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch				
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác
6.3.7	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện	5					4	1
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	3					3	
7.1.1	Chủ tịch (Trường ban Dân vận HU kiêm) (Kiêm công tác chuyên môn)	KN				x		
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2					2	
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1	
7.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Mặt trận	1					1	
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1						1
7.3.1	Kế toán	1						1
7.3.2	Văn thư, lưu trữ (Kiêm)							
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.4	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
7.3.5	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)							
8	Hội Nông dân huyện	4				1	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1	
8.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1		
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1					1	
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2	
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN				x		
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác nông dân	2					2	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch					
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	3				1	2		
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1		
9.1.1	Chủ tịch (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1			
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1		
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	1					1		
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				x			
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác phụ nữ	1					1		
10	Huyện đoàn	4				1	3		
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2				1	1		
10.1.1	Bí thư (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1			
10.1.2	Phó Bí thư (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1		
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	2					2		
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				x			
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác thanh niên	2					2		
11	Hội Cựu chiến binh huyện	2					2		
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	2					2		
11.1.1	Chủ tịch (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1		
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1		
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh (kiếm)								

Biểu số 7

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH ĐỀ XUẤT
DANH MỤC VTVL, BIÊN CHẾ VÀ NGÁCH TRONG CÁC CƠ QUAN
(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 04 năm 2018)

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu						Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác		
*	CỘNG KHỐI ĐẢNG - ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH, HUYỆN ỦY, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY, VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	1024	66		35	270	609	175		
*	LÃNH ĐẠO TỈNH ỦY	3			3					
1	Bí thư Tỉnh ủy	1			1					
2	Phó bí thư Tỉnh ủy	2			2					
*	KHỐI ĐẢNG CẤP TỈNH	144	14		11	65	55	26		
1	Văn phòng Tỉnh ủy	37	7		1	15	15	13		
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	17			1	15	1			
1.1.1	Chánh văn phòng Tỉnh ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1					
1.1.2	Phó Chánh văn phòng Tỉnh ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3				
1.1.3	Trưởng phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	4				4				
1.1.4	Phó trưởng phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	8				8				
1.1.5	Chú nhiệm Nhà khách Tỉnh ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	16					14	2	
1.2.1	Chuyên viên cao cấp công tác Văn phòng cấp ủy (<i>Chánh văn phòng kiêm</i>)	KN			X				
1.2.2	Chuyên viên chính công tác Văn phòng cấp ủy (<i>Phó Chánh văn phòng kiêm</i>)	KN				X			
1.2.3	Chuyên viên chính công tác tham mưu tổng hợp (<i>Trưởng, phó phòng kiêm</i>)	KN				X			
1.2.4	Chuyên viên chính công tác tài chính đảng (<i>Trưởng, phó phòng kiêm</i>)	KN				X			
1.2.5	Chuyên viên chính công tác Hành chính - quản trị (<i>Trưởng, phó phòng kiêm</i>)	KN				X			
1.2.6	Chuyên viên chính công tác Lưu trữ (<i>Trưởng, phó phòng kiêm</i>)	KN				X			
1.2.7	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp (<i>gồm Thư ký Bí thư</i>)	9					9		
1.2.8	Theo dõi, tham mưu quản lý, sử dụng tài sản đảng và đảng phí của Đảng bộ tỉnh và kế toán các ban Đảng tỉnh	2					2		
1.2.9	Theo dõi, tham mưu công tác quản lý và ứng dụng Công nghệ thông tin - Cơ yếu	2						2	
1.2.10	Theo dõi, tham mưu công tác Lưu trữ	2					2		
1.2.11	Hành chính Tổng hợp	1					1		
1.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	7					11	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
1.3.1	Kỹ thuật viên	1						1	
1.3.2	Kế toán	1						1	
1.3.3	Văn thư	2						2	
1.3.4	Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2	
1.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		5					5	
2	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	24	2		2	10	11	3	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	12			2	10			
2.1.1	Trưởng ban (kiêm công tác chuyên môn)	1			1				
2.1.2	Phó Trưởng ban (kiêm công tác chuyên môn)	3			1	2			
2.1.3	Trưởng phòng (kiêm công tác chuyên môn)	3				3			
2.1.4	Chánh văn phòng (kiêm công tác chuyên môn)	1				1			
2.1.5	Phó Trưởng phòng (kiêm công tác chuyên môn)	3				3			
2.1.6	Phó Chánh văn phòng (kiêm công tác chuyên môn)	1				1			
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	10					10		
2.2.1	Chuyên viên cao cấp công tác tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng ban, Phó ban Thường trực kiêm)	KN			x				
2.2.2	Chuyên viên chính công tác tổ chức xây dựng Đảng (Phó Trưởng ban Tổ chức kiêm)	KN				x			
2.2.3	Chuyên viên chính công tác Tổ chức đảng, đảng viên (Trưởng, phó phòng kiêm)	KN				x			

TT	Đơn vị/ Tên VT-VL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
2.2.4	Chuyên viên chính công tác Bảo vệ Chính trị nội bộ (<i>Trưởng, phó phòng kiêm</i>)	KN				X			
2.2.5	Chuyên viên chính công tác Chính sách cán bộ (<i>Trưởng, phó phòng kiêm</i>)	KN				X			
2.2.6	Chuyên viên chính công tác tổ chức - cán bộ (<i>Trưởng, phó phòng kiêm</i>)	KN				X			
2.2.7	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (<i>Chánh, Phó văn phòng kiêm</i>)	KN				X			
2.2.8	Theo dõi, tham mưu tổng hợp chung	1					1		
2.2.9	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức - cán bộ (sắp nhập phòng Phòng Tổ chức - Cán bộ và Phòng Chính sách cán bộ)	4					4		
2.2.10	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức đảng, đảng viên	3					3		
2.2.11	Theo dõi, tham mưu công tác Bảo vệ chính trị nội bộ	2					2		
2.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	2				1	3	
2.3.1	Kế toán	1					1		
	Văn thư	1						1	
2.3.2	Thủ quỹ (<i>kiêm</i>)								
	Lưu trữ (<i>Kiểm</i>)								
2.3.3	Tập vụ (<i>HD khoán</i>)								
2.3.4	Lái xe (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP</i>)		2					2	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
3	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ	25	1		2	12	10	2	
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	14			2	12			
3.1.1	Chủ nhiệm UBKTTU (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1				
3.1.2	Phó Chủ nhiệm UBKTTU (Kiểm công tác chuyên môn)	3			1	2			
3.1.3	Ủy viên UBKTTU kiêm Trưởng phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	4				4			
3.1.4	Ủy viên UBKTTU kiêm Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
3.1.5	Phó Trưởng phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	4				4			
3.1.6	Phó Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	9					9		
3.2.1	Kiểm tra viên cao cấp công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng (Chủ nhiệm. Phó chủ nhiệm Thường trực UBKT kiêm)	KN			x				
3.2.2	Kiểm tra viên chính công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng (Phó chủ nhiệm. Ủy viên UBKT, Trưởng, phó phòng kiêm)	KN				x			
3.2.3	Kiểm tra viên chính công tác Văn phòng (Chánh, Phó văn phòng kiêm)	KN				x			
3.2.4	Theo dõi, tham mưu nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng	8					8		
3.2.5	Theo dõi, tham mưu công tác thống kê, tổng hợp, văn phòng	1					1		
3.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	1				1	2	
3.3.1	Kế toán	1					1		
3.3.2	Văn thư	1						1	
3.3.2	Lưu trữ (Kiểm)								

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
3.3.3	Thủ quỹ (kiêm) Tập vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)								
3.3.4	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1	
4	Ban Nội chính Tỉnh uỷ	17	1		2	7	7	2	
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	9			2	7			
4.1.1	Trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	1			1				
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)	2			1	1			
4.1.3	Trưởng phòng (kiêm công tác chuyên môn)	2				2			
4.1.4	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1			
4.1.5	Phó Trưởng phòng (kiêm công tác chuyên môn)	2				2			
4.1.6	Phó Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1			
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	6						6	
4.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác Nội chính (Trưởng ban, Phó ban Thường trực kiêm)	KN			x				
4.2.2	Chuyên viên chính về công tác Nội chính (Phó Trưởng ban kiêm)	KN				x			
4.2.3	Chuyên viên chính về công tác Phòng chống tham nhũng (Trưởng, Phó phòng kiêm)	KN				x			
4.2.4	Chuyên viên chính về công tác Nội chính (Trưởng, Phó phòng kiêm)	KN				x			
4.2.5	Chuyên viên chính về công tác Văn phòng (Chánh, Phó Văn phòng kiêm)	KN				x			
4.2.6	Theo dõi, tham mưu công tác Nội chính	3						3	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu						Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác		
4.2.7	Theo dõi, tham mưu công tác PCTN	3								
4.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	1					3	2	
4.3.1	Kế toán	1						1		
	Lưu trữ	1							1	
4.3.2	Văn thư (Kiêm)									
	Thủ quỹ (Kiêm)									
	Tập vụ (Kiêm)									
4.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1						1	HD
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	20	2		2	10	7	3		
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	12			2	10				
5.1.1	Trưởng ban (kiêm công tác chuyên môn)	1			1					
5.1.2	Phó Trưởng ban (kiêm công tác chuyên môn)	3			1	2				
5.1.3	Trưởng phòng (Phó trưởng ban phụ trách)									
5.1.4	Chánh văn phòng (kiêm công tác chuyên môn)	1				1				
5.1.5	Phó Trưởng phòng (kiêm công tác chuyên môn)	5				5				
5.1.6	Phó Chánh văn phòng (kiêm công tác chuyên môn)	2				2				
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	6						6		
5.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác Tuyên giáo (Trưởng ban, Phó ban Thường trực kiêm)				x					

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
5.2.2	Chuyên viên chính về công tác Tuyên giáo (<i>Phó Trưởng ban kiêm</i>)	KN				x			
5.2.3	Chuyên viên chính về công tác Thông tin và Tuyên truyền - Báo chí - Xuất bản (<i>Trưởng, Phó phòng kiêm</i>)	KN				x			
5.2.4	Chuyên viên chính về công tác Khoa giáo và Văn hoá - Văn nghệ (<i>Trưởng, Phó phòng kiêm</i>)	KN				x			
5.2.5	Chuyên viên chính về công tác Lý luận chính trị - Lịch sử Đảng (<i>Trưởng, Phó phòng kiêm</i>)	KN				x			
5.2.6	Chuyên viên chính về công tác Văn phòng (<i>Chánh, Phó văn phòng kiêm</i>)	KN				x			
5.2.7	Theo dõi, tham mưu tổng hợp - Văn phòng (<i>Kiểm</i>)	KN					x		
5.2.8	Theo dõi, tham mưu công tác Thông tin và Tuyên truyền - Báo chí - Xuất bản	2					2		
5.2.9	Theo dõi, tham mưu công tác Khoa giáo và Văn hoá - Văn nghệ	2					2		
5.2.10	Theo dõi, tham mưu công tác Lý luận chính trị - Lịch sử Đảng	2					2		
5.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	2				1	3	
5.3.1	Kế toán	1					1		
	Văn thư	1						1	
5.3.2	Lưu trữ (<i>Kiểm</i>)								
	Thủ quỹ (<i>Kiểm</i>)								
5.3.3	Lái xe (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		2					2	HD

TT	Đơn vị/Tên VI/VL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
6	Ban Dân vận Tỉnh uỷ	18			2	10	4	1	
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	12			2	10			
6.1.1	Trưởng ban (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	1			1				
6.1.2	Phó Trưởng ban (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	3			1	2			
6.1.3	Trưởng phòng (<i>kiểm công tác chuyên môn</i>)	3				3			
6.1.4	Chánh văn phòng (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	1				1			
6.1.5	Phó Trưởng phòng (<i>kiểm công tác chuyên môn</i>)	3				3			
6.1.6	Phó Chánh văn phòng (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	1				1			
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4					4		
6.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác Dân vận (<i>Trưởng ban, Phó ban Thường trực kiêm</i>)	KN			x				
6.2.2	Chuyên viên chính về công tác Dân vận (<i>Phó Trưởng ban kiêm</i>)					x			
6.2.3	Chuyên viên chính về công tác dân vận các cơ quan Nhà nước (<i>Trưởng, Phó phòng kiêm</i>)	KN				x			
6.2.4	Chuyên viên chính về công tác dân tộc - tôn giáo (<i>Trưởng, Phó phòng kiêm</i>)	KN				x			
6.2.5	Chuyên viên chính về công tác đoàn thể và các hội (<i>Trưởng, Phó phòng kiêm</i>)	KN				x			
6.2.6	Chuyên viên chính về công tác Văn phòng (<i>Chánh, Phó văn phòng kiêm</i>)	KN				x			
6.2.7	Theo dõi, tham mưu tổng hợp chung	1					1		
6.2.8	Theo dõi công tác dân vận các cơ quan Nhà nước	1					1		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
6.2.9	Theo dõi công tác Dân tộc - Tôn giáo	1					1		
6.2.10	Theo dõi công tác đoàn thể và các hội	1					1		
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2					1	1	
6.3.1	Kế toán	1					1		
	Văn thư	1						1	
6.3.2	Lưu trữ (Kiêm)								
	Thủ quỹ (Kiêm)								
7	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	3	1			1	1	2	
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	1				1			
7.1.1	Trưởng ban (Trưởng ban Tổ chức kiêm)	KN			X				
7.1.2	Phó trưởng ban	KN				X			
	(Phó trưởng ban Tổ chức và Lãnh đạo mới số Sơ; ban, ngành kiêm)								
7.1.3	Phó trưởng ban Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)	1				1			
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
7.2.1	Chuyên viên chính công tác Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ (Phó ban Thường trực kiêm)	KN				X			
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	1				1	2	
7.3.1	Kế toán	1					1		
	Văn thư	1						1	
7.3.2	Thủ quỹ (kiêm)								
7.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1	

TT	Đơn vị/ Tên VT/VL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu						Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác		
*	KHỐI ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH	164	15		5	56	82	36		
7	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	18	3		1	6	9	5		
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	12			1	6	5			
7.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1					
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3				
7.1.3	Ủy viên Thường trực (CVP, 02 trưởng ban) (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3				
7.1.4	Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1			
7.1.5	Chánh văn phòng (Ủy viên TT kiêm)	KN					X			
7.1.6	Phó Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	3					3			
7.1.7	Phó Chánh Văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1					1			
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4					4			
7.2.1	Chuyên viên cao cấp công tác Mặt trận (Chủ tịch kiêm)	KN			X					
7.2.2	Chuyên viên chính công tác Dân tộc và Tôn giáo (Ủy viên Thường trực kiêm)	KN				X				
7.2.3	Chuyên viên chính công tác Dân chủ - Pháp luật (Ủy viên Thường trực kiêm)	KN				X				
7.2.4	Chuyên viên chính công tác Phong trào, Tuyên giáo (Ủy viên Thường trực kiêm)	KN				X				
7.2.5	Theo dõi, tham mưu tổng hợp văn phòng, tổ chức	1					1			
7.2.6	Theo dõi, tham mưu công tác Dân tộc và Tôn giáo	1					1			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngành tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
7.2.7	Theo dõi, tham mưu công tác Dân chủ - Pháp luật	1					1		
7.2.8	Theo dõi, tham mưu công tác Phong trào, Tuyên giáo	1					1		
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	3					5	
7.3.1	Kế toán	1						1	
	Văn thư	1						1	
7.3.2	Lưu trữ (Kiểm)								
	Thủ quỹ (Kiểm)								
7.3.3	Tập vụ (Khoản)								
7.3.4	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2	
7.3.5	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1	
8	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	19	1		1	8	8	3	
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	9			1	8			
8.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1				
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	2				2			
8.1.3	Trưởng các ban và tương đương (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3			
8.1.4	Phó trưởng các ban và tương đương (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3			
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	8						8	
8.2.1	Chuyên viên cao cấp công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN			x				
8.2.2	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Phó Chủ tịch kiêm)	KN				x			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
8.2.3	Chuyên viên chính công tác tổ chức - kiểm tra (Trưởng, Phó ban kiểm)	KN				X			
8.2.4	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Gia đình (Trưởng, Phó ban kiểm)	KN				X			
8.2.5	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh, Phó Văn phòng kiểm)	KN				X			
8.2.6	Theo dõi, tham mưu tổng hợp chung	2					2		
8.2.7	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức - kiểm tra	2					2		
8.2.8	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Gia đình	4					4		
8.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	1					3	
8.3.1	Kế toán	1						1	
8.3.2	Văn thư	1						1	
8.3.3	Lưu trữ (Kiểm)								
8.3.4	Thủ quỹ (Kiểm)								
8.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP)		1					1	
9	Hội Nông dân tỉnh	21	4		1	11	7	6	
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	12			1	11			
9.1.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	1			1				
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3			
9.1.3	Chánh văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
9.1.4	Trưởng các ban (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
9.1.5	Phó Chánh Văn phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	1				1			
9.1.6	Phó Trưởng các ban (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3			
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	7					7		
9.2.1	Chuyên viên cao cấp công tác Hội nông dân (Chủ tịch kiêm)	KN			X				
9.2.2	Chuyên viên chính công tác Hội nông dân (Phó Chủ tịch kiêm)								
9.2.3	Chuyên viên chính công tác tổ chức - kiểm tra, văn phòng (Trưởng, Phó phòng kiêm)	KN				X			
9.2.4	Chuyên viên chính công tác Kinh tế - xã hội, Tuyên giáo (Trưởng, Phó phòng kiêm)	KN				X			
9.2.5	Chuyên viên chính công tác điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân, tư vấn các vấn đề về thị trường, dịch vụ hỗ trợ nông dân (Trưởng, Phó phòng kiêm)	KN				X			
9.2.6	Chuyên viên chính công tác văn phòng (Chánh, Phó văn phòng kiêm)	KN				X			
9.2.7	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp - văn phòng	1					1		
9.2.8	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức - kiểm tra	2					2		
9.2.9	Theo dõi, tham mưu công tác kinh tế - xã hội	2					2		
9.2.10	Theo dõi, tham mưu công tác tuyên giáo	1					1		
9.2.11	Theo dõi, tham mưu tư vấn các vấn đề về thị trường, dịch vụ hỗ trợ nông dân (kiêm)								
9.2.12	Theo dõi, tham mưu công tác điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân	1					1		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
9.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	4					6	
9.3.1	Kế toán	1						1	
9.3.2	Văn thư - Thủ quỹ	1						1	
9.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2	HD
9.3.4	Tạp vụ (Khoán)								HD
9.3.5	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		2					2	HD
10	Hội Cựu chiến binh tỉnh	13						13	
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	8						8	
10.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	1						1	
10.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)	2						2	
10.1.3	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	1						1	
10.1.4	Trưởng các ban (Kiêm công tác chuyên môn)	3						3	
10.1.5	Phó ban kiểm tra (Kiêm công tác chuyên môn)	1						1	
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3						3	
10.2.1	Theo dõi, tham mưu tổng hợp công tác tổ chức chính sách	1						1	
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tuyên truyền, giáo dục	1						1	
10.2.3	Theo dõi, tham mưu công tác kinh tế, đối ngoại	1						1	
10.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2						2	
10.3.1	Kế toán	1						1	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
10.3.2	Văn thư	1						1	
10.3.3	Lưu trữ (Kiếm)								
10.3.4	Thu quỹ (Kiếm)								
10.3.5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)								
11	Liên đoàn Lao động tỉnh	71	3		1	28	41	4	
A	Liên đoàn Lao động tỉnh	25	3		1	13	10	4	
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	14			1	13			
11.1.1	Chủ tịch (Kiếm công tác chuyên môn)	1			1				
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiếm công tác chuyên môn)	3				3			
11.1.3	Chánh văn phòng (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1			
11.1.4	Trưởng các ban (Kiếm công tác chuyên môn)	3				3			
11.1.5	Chủ nhiệm UBKT (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1			
11.1.6	Phó Chánh Văn phòng (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1			
11.1.7	Phó Trưởng các ban (Kiếm công tác chuyên môn)	3				3			
11.1.8	Phó Chủ nhiệm UBKT (Kiếm công tác chuyên môn)	1				1			
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	10					10		
11.2.1	Chuyên viên cao cấp công tác Công đoàn (Chủ tịch kiêm)	KN			x				
11.2.2	Chuyên viên chính công tác Công đoàn (Phó Chủ tịch kiêm)	KN				x			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
11.2.3	Chuyên viên chính công tác tổ chức, Tuyên giáo (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)	KN				X			
11.2.4	Chuyên viên chính công tác Nữ công, Tài chính (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)	KN				X			
11.2.5	Chuyên viên chính công tác chính sách - Pháp Luật (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)	KN				X			
11.2.6	Kiểm tra viên chính công tác Kiểm tra (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)	KN				X			
11.2.7	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo (<i>Trưởng, phó ban kiêm</i>)	KN				X			
11.2.8	Theo dõi, tham mưu Văn phòng UBND (<i>Kiểm</i>)					X			
11.2.9	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức	2					2		
11.2.10	Theo dõi, tham mưu công tác Kiểm tra	1					1		
11.2.11	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Nữ công	2					2		
11.2.12	Theo dõi, tham mưu công tác tài chính	2					2		
11.2.13	Theo dõi, tham mưu chính sách - pháp luật	2					2		
11.2.14	Theo dõi, tham mưu tổng hợp - Văn phòng	1					1		
11.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1	3						4
11.3.1	Văn thư	1							1
11.3.2	Tập vụ (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		1						1
11.3.3	Lái xe (<i>kiếm HCQT</i>) (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		2						2

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biến chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
B	Liên đoàn Lao động huyện, thành phố	38							
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	24							
11.1.1	Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	12				12	12		
11.1.2	Phó Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	12					12		
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	14							
11.2.1	Chuyên viên chính công tác Công đoàn (<i>Chủ tịch kiêm</i>)					x			
11.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác công đoàn	14					14		
11.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ								
11.3.1	Kế toán (<i>Kiểm</i>)								
11.3.2	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ, phục vụ (<i>Kiểm</i>)								
C	Công đoàn ngành và viên chức (<i>Y tế, Giáo dục, NN&PTNT, Viên chức</i>)	8							
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	4							
11.1.1	Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>) (<i>Y tế, Giáo dục, NN&PTNT</i>)	3				3			
11.1.2	Phó Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>) (<i>CD Viên chức</i>)	1					1		
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4							
11.2.1	Chuyên viên chính công tác Công đoàn (<i>Chủ tịch kiêm</i>)	KN				x			
11.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác công đoàn	4					4		
11.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ								

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
11.3.1	Kế toán (Kiếm)								
11.3.2	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ, phục vụ (Kiếm)								
12	Tinh đoàn Lâm Đồng	22	4		1	3	17	5	
12.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	9			1	3	5		
12.1.1	Bí thư (Kiếm công tác chuyên môn)	1			1				
12.1.2	Phó Bí thư phụ trách Văn phòng, các ban (Kiếm công tác chuyên môn)	3				3			
12.1.3	Chủ nhiệm UBKT (Kiếm)	KN							
12.1.4	Chủ tịch Hội Đồng đội (Kiếm)	KN							
12.1.5	Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam (Kiếm)	KN							
12.1.6	Chánh Văn phòng (Phó bí thư Thường trực phụ trách)								
12.1.7	Trường các ban (Phó bí thư phụ trách)								
12.1.8	Phó Trường các ban (Kiếm công tác chuyên môn)	4					4		
12.1.9	Phó Văn Phòng (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1		
12.1.10	Phó Chủ nhiệm UBKT (Kiếm)	KN							
12.1.11	Phó Chủ tịch Hội Đồng đội (Kiếm)	KN							
12.1.12	Phó Chủ tịch Hội LHTN Việt Nam (Kiếm)	KN							
12.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	12					12		
12.2.1	Chuyên viên cao cấp công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiếm)	KN			x				
12.2.2	Chuyên viên chính công tác tổ chức, tuyên giáo (Phó bí thư kiếm)	KN				x			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
12.2.3	Chuyên viên chính công tác hoạt động thanh thiếu nhi trường học, thanh niên nông thôn công nhân và đô thị (<i>Phó bí thư kiêm</i>)	KN				x			
12.2.4	Chuyên viên chính công tác đoàn kết tập hợp thanh niên, Văn phòng (<i>Phó bí thư kiêm</i>)	KN				x			
12.2.5	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp - Văn phòng	1					1		
12.2.6	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức	2					2		
12.2.7	Theo dõi, tham mưu hoạt động thanh niên nông thôn công nhân và đô thị	3					3		
12.2.8	Theo dõi, tham mưu hoạt động thanh thiếu nhi trường học	2					2		
12.2.9	Theo dõi, tham mưu công tác tuyên giáo	2					2		
12.2.10	Theo dõi, tham mưu hoạt động Đoàn kết tập hợp thanh niên	2					2		
12.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1	4					5	
12.3.1	Kế toán	1						1	
	Văn thư (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		1					1	
12.3.2	Lưu trữ (<i>Kiểm</i>)								
	Thủ quỹ (<i>Kiểm</i>)								
12.3.3	Tập vụ (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		1					1	
12.3.4	Lái xe (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		1					1	
12.3.5	Bảo vệ (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		1					1	
13	KHOA HUYỆN, THÀNH ỦY (<i>Kèm theo Phụ lục 1 đến Phụ lục 12</i>)	592	31		12	112	399	100	

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
13.1	Lãnh đạo huyện ủy	28			12	16			
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	28			12	16			
13.1.1	Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	12			12				
13.1.2	Phó Bí thư huyện, thành ủy (Kiểm công tác chuyên môn)	16				16			
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								
13.1.3	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X				
13.1.4	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)	KN				X			
13.2	Ban Tổ chức huyện ủy	63				12	50	1	
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	26				12	14		
13.2.1	Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	12				12			
13.2.2	Phó Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	14					14		
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	37					36	1	
13.2.3	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức kiêm)	KN				X			
13.2.4	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng	37					36	1	
13.3	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	57				12	45		
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	44				12	32		
13.3.1	Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	12				12			
13.3.2	Phó Chủ nhiệm (Kiểm công tác chuyên môn)	14					14		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
13.3.3	Ủy viên UBKT (Kiểm công tác chuyên môn)	18					18		
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	13					13		
13.3.4	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm kiểm)	KN				X			
13.3.5	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng	13					13		
13.4	Ban Tuyên giáo huyện ủy	64				12	52		
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	26				12	14		
13.4.1	Trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	12				12			
13.4.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	14					14		
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	38					38		
13.4.3	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban kiểm)	KN				X			
13.4.4	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Giáo vụ (gồm cả giáo vụ Trung tâm BDCT)	38					38		
13.5	Ban Dân vận huyện ủy	48				12	36		
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	24				12	12		
13.5.1	Trưởng ban kiểm Chủ tịch UBMTTQ huyện (Kiểm công tác chuyên môn)	12				12			
13.5.2	Phó trưởng ban (Kiểm công tác chuyên môn)	12					12		
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	24					24		

TT	Đơn vị/Tên VT/VL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
13.5.3	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (<i>Trương ban kiêm</i>)	KN				X			
13.5.4	Theo dõi, tham mưu công tác Dân vận	24					24		
13.6	Văn phòng huyện ủy	105	26			12	48	71	
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	36				12	24		
13.6.1	Chánh văn phòng (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	12				12			
13.6.2	Phó Chánh văn phòng (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	24					24		
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	24					24		
13.6.3	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (<i>Chánh văn phòng kiêm</i>)	KN				X			
13.6.4	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp	24					24		
*	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	45	26					71	
13.6.4	Kế toán (<i>Kiểm Kế toán Trung tâm BDCT huyện</i>)	12						12	
13.6.5	Văn thư	12						12	
13.6.6	Lưu trữ, thủ quỹ	11						11	
13.6.7	Công nghệ thông tin	10						10	
13.6.8	Lái xe (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		20					20	
13.6.9	Tập vụ (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		3					3	
13.6.10	Bảo vệ (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		3					3	
13.7	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN huyện, thành phố	68	5				51	22	

TT	Đơn vị/Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Chỉ chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	40					39	1	
13.7.1	Chủ tịch (<i>Trưởng Ban Dân vận huyện ủy, Thành ủy kiêm</i>)	KN				X			
13.7.2	Phó Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	24					24		
13.7.3	Ủy viên Thường trực (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	16					15	1	
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	12					12		
13.7.4	Theo dõi, tham mưu công tác Mật trận	12					12		
*	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	16	5					21	
13.7.5	Kế toán	12						12	
13.7.6	Văn thư lưu trữ	4						4	
13.7.7	Lái xe (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		5					5	
13.7.8	Bảo vệ (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)								
13.7.9	Tạp vụ (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)								
13.8	Hội Nông dân huyện	48					12	36	
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	24					12	12	
13.8.1	Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	12					12		
13.8.2	Phó Chủ tịch (<i>Kiểm công tác chuyên môn</i>)	12					12		
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	24						24	
13.8.3	Chuyên viên chính công tác Nông dân (<i>Chủ tịch kiêm</i>)	KN				X			
13.8.4	Theo dõi, tham mưu công tác nông dân	24					24		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Lớp đồng 68	Phân theo ngành tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
13.9	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	36				12	24		
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	24				12	12		
13.9.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	12				12			
13.9.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	12					12		
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	12					12		
13.9.3	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch kiêm)	KN				X			
13.9.4	Theo dõi, tham mưu công tác phụ nữ	12					12		
13.10	Huyện, thành đoàn	48				12	36		
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	24				12	12		
13.10.1	Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	12				12			
13.10.2	Phó Bí thư (Kiểm công tác chuyên môn)	12					12		
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	24					24		
13.10.3	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư kiêm)	KN				X			
13.10.4	Theo dõi, tham mưu công tác thanh niên	24					24		
13.11	Hội Cựu chiến binh huyện	24					18	6	
*	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	24					18	6	
13.11.1	Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	12					10	2	
13.11.2	Phó Chủ tịch (Kiểm công tác chuyên môn)	12					8	4	
*	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ								

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
13.11.3	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh								
13.12	Nguồn cán bộ luân chuyển về cơ sở	3					3		
14	KHOI ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC (Kèm phụ lục số 13, 14)	33	2		2	11	16	6	
14.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	25			2	11	11	1	
14.1.1	Bí thư Đảng uỷ (Kiếm công tác chuyên môn)	2			2				
14.1.2	Phó Bí thư Đảng uỷ (Kiếm công tác chuyên môn)	2				2			
14.1.3	Trưởng ban Đảng (Kiếm công tác chuyên môn)	3				3			
14.1.4	Chủ nhiệm UBKT (Kiếm công tác chuyên môn)	2				2			
14.1.5	Chánh văn phòng (Kiếm công tác chuyên môn)	2				2			
14.1.6	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (Kiếm công tác chuyên môn)	1						1	
14.1.7	Bí thư Đoàn thanh niên (Kiếm công tác chuyên môn)	2				2			
14.1.8	Phó ban Đảng (Kiếm công tác chuyên môn)	4					4		
14.1.9	Phó Chủ nhiệm UBKT (Kiếm công tác chuyên môn)	2					2		
14.1.10	Phó Chánh văn phòng (Kiếm công tác chuyên môn)	2					2		
14.1.11	Phó bí thư Đoàn khối (Kiếm công tác chuyên môn)	2					2		
14.1.12	Ủy viên UBKT Đảng uỷ (Kiếm công tác chuyên môn)	1					1		
13.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	5					5		
13.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)	KN			X				

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Lớp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
13.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (<i>Phó bí thư, Trưởng ban, chủ nhiệm UBKT, Bí thư đoàn, Chánh văn phòng kiêm</i>)	KN				x			
13.2.3	Theo dõi, tham mưu tổng hợp - Văn phòng	1					1		
13.2.4	Theo dõi, tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng	3					3		
13.2.5	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo - Dân vận	1					1		
13.2.6	Theo dõi, tham mưu công tác Kiểm tra (<i>Kiểm</i>)						x		
13.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	3	2					5	
13.3.1	Kế toán	2						2	
13.3.2	Văn thư	1						1	
13.3.3	Thủ quỹ (<i>Kiểm</i>)								
13.3.4	Lưu trữ (<i>Kiểm</i>)								
13.3.5	Lái xe (<i>Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP</i>)		2					2	
*	KHỎI SỰ NGHIỆP	88	4		2	26	57	7	
1	Bảo Lâm Đồng	30			1	8	20	1	
1.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	9			1	8			
1.1.1	Tổng Biên tập	1			1				
1.1.2	Phó Tổng biên tập	1				1			
1.1.3	Trưởng phòng	5				5			
1.1.4	Phó trưởng phòng	2				2			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Lớp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
1.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	19					19		
1.2.1	Phòng viên theo dõi mạng Kinh tế	3					3		
1.2.2	Phòng viên theo dõi mạng Văn hóa - Xã hội	4					4		
1.2.3	Phòng viên theo dõi mạng Xây dựng Đảng - Nội chính	4					4		
1.2.4	Kỹ sư tin học trình bày báo in	3					3		
1.2.5	Kỹ sư tin học xử lý báo điện tử	2					2		
1.2.6	Chuyên viên Hành chính - Quản trị	1					1		
1.2.7	Nhân viên Quảng cáo – Phát hành	1					1		
1.2.8	Morat	1					1		
1.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2					1	1	
1.3.1	Kế toán	1					1		
1.3.2	Văn thư – Thủ quỹ	1						1	
1.3.3	Lái xe (Kiêm)	KN							
2	Trưởng Chính trị tỉnh	45	4		1	17	25	6	
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	18			1	17			
2.1.1	Hiệu trưởng (Kiêm công tác chuyên môn)	1			1				
2.1.2	Phó Hiệu trưởng (Kiêm công tác chuyên môn)	3				3			
2.1.3	Trưởng phòng (Kiêm công tác chuyên môn)	3				3			
2.1.4	Trưởng khoa (Kiêm công tác chuyên môn)	4				4			

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngành tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
2.1.5	Phó Trưởng phòng (Kiểm công tác chuyên môn)	3				3			
2.1.6	Phó Trưởng khoa (Kiểm công tác chuyên môn)	4				4			
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	23					23		
2.2.1	Giảng viên LL Mác Lê nin- tư tưởng Hồ Chí Minh	4					4		
2.2.2	Giảng viên Nhà nước và Pháp luật	5					5		
2.2.3	Giảng viên Xây dựng Đảng	4					4		
2.2.4	Giảng viên Dân vận	3					3		
2.2.5	Quản lý đào tạo	3					3		
2.2.6	Quản lý Khoa học, Công nghệ thông tin	2					2		
2.2.7	Quản lý thư viện, phòng truyền thống; theo dõi tổng hợp công tác thao giảng, dự giờ	1					1		
2.2.8	Tổ chức, hành chính, tổng hợp	1					1		
2.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	4	4				2	6	
2.3.1	Kế toán	2					2		
2.3.2	Văn thư, lưu trữ	1						1	
2.3.3	Thủ quỹ, thủ kho (Hợp đồng 68)	1						1	
2.3.4	Quản trị phục vụ hội trường và phòng học, điện, nước (Kiêm)								
2.3.5	Lễ tân, Phục vụ nhà công vụ, phòng chức năng, phòng học và ký túc xá (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		3					3	
2.3.6	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		1					1	

TT	Đơn vị/ Tên VI/VL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
3	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi Lâm Đồng	4					4		
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành	1					1		
3.1.1	Giám đốc (Phó bí thư Tỉnh đoàn kiêm)								
3.1.2	Phó Giám đốc	1					1		
3.2	Nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ	3					3		
3.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Hành chính	1					1		
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác nghiệp vụ và bồi dưỡng năng khiếu	2					2		
3.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ								
3.3.1	Kế toán (kiêm)								
3.3.2	Văn thư - Thủ quỹ (kiêm)								
4	Nhà thiếu nhi tỉnh Lâm Đồng	9				1	8		
4.1	Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý	2				1	1		
4.1.1	Giám đốc	1				1			
4.1.2	Phó Giám đốc	1					1		
4.2	Nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ	5					5		
4.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Hành chính	1					1		
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác hoạt động quần chúng	2					2		
4.2.3	Theo dõi, tham mưu công tác nghiệp vụ và bồi dưỡng năng khiếu	2					2		
4.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	2					2		

TT	Đơn vị/ Tên VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Phân theo ngạch tối thiểu					Ghi chú
				CG	CVCC	CVC	CV	Khác	
4.3.1	Kế toán	1					1		
4.3.2	Văn thư - Thủ quỹ	1					1		
4.3.3	Phụ trách công tác quản trị								

Biểu số 6

**TỔNG HỢP KHUNG
DANH MỤC VTVL VÀ BIÊN CHẾ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG**

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 04 năm 2018)

TT	Tên đơn vị/ Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Dự kiến Biên chế	Hợp đồng
	Cộng (I+II+III+IV)	49	88	4
I	Báo Lâm Đồng	15	30	
1	Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý		9	
1.1	Tổng Biên tập		1	
1.2	Phó Tổng biên tập		1	
1.3	Trưởng phòng		5	
1.4	Phó trưởng phòng		2	
2	Nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ		19	
2.1	Phóng viên theo dõi mảng Kinh tế		3	
2.2	Phóng viên theo dõi mảng Văn hóa - Xã hội		4	
2.3	Phóng viên theo dõi mảng Xây dựng Đảng - Nội chính		4	
2.4	Kỹ sư tin học trình bày báo in		3	
2.5	Kỹ sư tin học xử lý báo điện tử		2	
2.6	Chuyên viên Hành chính - Quản trị		1	
2.7	Nhân viên Quảng cáo – Phát hành		1	
2.8	Morat		1	
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ		2	
3.1	Kế toán		1	
3.2	Văn thư - Thủ quỹ		1	
3.3	Lái xe (Kiêm)			
II	Trường Chính trị	20	45	4
1	Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý	6	18	

TT	Tên đơn vị/ Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Dự kiến Biên chế	Hợp đồng
1.1	Hiệu trưởng	8	1	
1.2	Phó hiệu trưởng		3	
1.3	Trưởng phòng		3	
1.4	Trưởng khoa		4	
1.5	Phó trưởng phòng		3	
1.6	Phó trưởng khoa		4	
2	Nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ	8	23	
2.1	Giảng viên LL Mác lê nin - tư tưởng Hồ Chí Minh		4	
2.2	Giảng viên Nhà nước và Pháp luật		5	
2.3	Giảng viên Xây dựng Đảng		4	
2.4	Giảng viên Dân vận		3	
2.5	Quản lý Đào tạo, bồi dưỡng		3	
2.6	Quản lý Khoa học, Công nghệ thông tin		2	
2.7	Quản lý thư viện, phòng truyền thống; theo dõi tổng hợp công tác thao giảng, dự giờ		1	
2.8	Tổ chức, hành chính, tổng hợp		1	
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	6	4	4
3.1	Kế toán		2	
3.2	Văn thư, lưu trữ		1	
3.3	Thủ quỹ, thủ kho (Hợp đồng 68)		1	
3.4	Quản trị phục vụ hội trường và phòng học, điện, nước			
3.5	Lễ tân, Phục vụ nhà công vụ, phòng chức năng, phòng học và ký túc xá (Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP)			3
3.6	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP)			1
III	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Lâm Đồng	6	4	
1	Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý		1	
1.1	Giám đốc (Phó bí thư Tỉnh đoàn kiêm)			
1.2	Phó Giám đốc		1	
2	Nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ		3	
2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Hành chính		1	

TT	Tên đơn vị/ Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Dự kiến Biên chế	Hợp đồng
2.2	Theo dõi, tham mưu công tác nghiệp vụ và bồi dưỡng năng khiếu		2	
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ			
3.1	Kế toán (kiêm)			
3.2	Văn thư - Thủ quỹ (Kiêm)			
IV	Nhà thiếu nhi tỉnh Lâm Đồng	8	9	
1	Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý		2	
1.1	Giám đốc		1	
1.2	Phó Giám đốc		1	
2	Nhóm công việc chuyên môn, nghiệp vụ		5	
2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Hành chính		1	
2.2	Theo dõi, tham mưu công tác hoạt động quần chúng		2	
2.3	Theo dõi, tham mưu công tác nghiệp vụ và bồi dưỡng năng khiếu		2	
3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ		2	
3.1	Kế toán		1	
3.2	Văn thư - Thủ quỹ		1	
3.3	Phụ trách công tác quản trị			

Biểu số 6

TỔNG HỢP KHUNG
DANH MỤC VTVL VÀ BIÊN CHẾ CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG,
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Tên VTVL	Số lượng VTVL	Ngạch công chức, viên chức	Biên chế	Hợp đồng
Tổng cộng (A+B+C)		99		936	62
A	Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý (I+II+III+IV+V)	34		517	
I	Lãnh đạo Tỉnh ủy			3	
1	Bí thư Tỉnh ủy		CVCC	1	
2	Phó bí thư Tỉnh ủy		CVCC	2	
II	Lãnh đạo các cơ quan Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh	8		46	
1	Trưởng ban Đảng Tỉnh (Kiêm công tác chuyên môn) (Các Ban: Tổ chức, Tuyên giáo, Nội chính, Dân vận Tỉnh ủy)		CVCC	4	
2	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		CVCC	1	
3	Chánh văn phòng Tỉnh ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		CVCC	1	
4	Trưởng đoàn thể tỉnh (Kiêm công tác chuyên môn) (MTTQ; Hội: Phụ nữ, Nông dân, CCB; LĐLĐ, TĐ)		CVCC	6	
5	Phó Trưởng ban Đảng tỉnh (Kiêm công tác chuyên môn) (Tổ chức, Tuyên giáo, Nội chính, Dân vận)		CVCC, CVC	12	
6	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		CVCC, CVC	3	
7	Phó Chánh văn phòng Tỉnh ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		CVC	3	
8	Phó Trưởng Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh (Kiêm công tác chuyên môn) (MTTQ, HND, IICCB, HLHPN, LĐLĐ, TĐ)		CVC, Khác	16	

TT	Tên VTVL	Số lượng VTVL	Ngạch công chức, viên chức	Biên chế	Hợp đồng
III	Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc các cơ quan Đảng, Đoàn thể tỉnh	10		93	
1	Ủy viên UBKT Tỉnh uỷ kiêm Trưởng phòng, Chánh văn phòng UBKTTU <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		KTVC	5	
2	Ủy viên Thường trực UBMTTQ tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	3	
3	Trưởng phòng thuộc các ban Đảng tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i> (gồm cả Chủ nhiệm Nhà khách TU)		CVC	13	
4	Chánh văn phòng thuộc các ban Đảng tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	4	
5	Trưởng ban thuộc UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	13	
6	Chánh văn phòng thuộc UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	3	
7	Phó Trưởng phòng thuộc các ban Đảng tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	25	
8	Phó Chánh văn phòng thuộc các ban Đảng tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	6	
9	Phó Trưởng ban thuộc UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	17	
10	Phó Chánh văn phòng thuộc UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	4	
IV	Lãnh đạo huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ	4		32	
1	Bí thư huyện uỷ, thành uỷ <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVCC	12	
2	Bí thư Đảng uỷ khối <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVCC	2	
3	Phó Bí thư huyện uỷ, thành uỷ <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	16	
4	Phó Bí thư Đảng uỷ khối <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		CVC	2	
V	Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ	12		343	
1	Trưởng ban Đảng thuộc huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i> (Tổ chức, Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm BDCT; Tổ chức, Tuyên giáo - Dân vận Đảng uỷ)		CVC	27	
2	Chủ nhiệm UBKT thuộc LĐLĐ tỉnh, huyện uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ <i>(Kiêm công tác chuyên môn)</i>		KTVC	15	

TT	Tên VTVL	Số lượng VTVL	Ngạch công chức, viên chức	Biên chế	Hợp đồng
3	Trưởng Ban Dân vận - Mặt trận Tổ quốc thuộc huyện, thành phố (Kiêm công tác chuyên môn)		CVC	12	
4	Chánh văn phòng thuộc huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		CVC	14	
5	Trưởng đoàn thể thuộc huyện ủy, thành ủy, đảng ủy và tương đương (Kiêm công tác chuyên môn) (CCB, đoàn khối, công đoàn ngành)		CVC, Khác	66	
6	Ủy viên UBKT huyện ủy, thành ủy, đảng ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		KTV	19	
7	Ủy viên Thường trực UBMTTQ huyện, thành phố (Kiêm công tác chuyên môn)		CV	16	
8	Phó Trưởng ban Đảng thuộc huyện ủy, thành ủy, đảng ủy (Kiêm công tác chuyên môn) (Tổ chức, Tuyên giáo, Dân vận)		CV	44	
9	Phó Chủ nhiệm UBKT thuộc LĐLD tỉnh, huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		KTV	17	
10	Phó Chánh văn phòng thuộc huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		CV	26	
11	Phó Trưởng các đoàn thể thuộc huyện, thành ủy, đảng ủy và tương đương (Kiêm công tác chuyên môn) (HND, CCB, HLHPN, LĐLĐ, Huyện đoàn, đoàn khối, công đoàn ngành, Phó GD Nhà thiếu nhi Thành đoàn Bảo Lộc)		CV, khác	87	
B	Vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	58		339	
I	Cấp tỉnh	35		95	
1	Chuyên viên cao cấp công tác tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng ban, Phó trưởng ban Thường trực BTC kiêm)		CVCC		
2	Chuyên viên cao cấp về công tác Nội chính (Trưởng ban, Phó ban Thường trực Ban Nội chính kiêm)		CVCC		
3	Chuyên viên cao cấp về công tác Tuyên giáo (Trưởng ban, Phó ban Thường trực Ban Tuyên giáo kiêm)		CVCC		
4	Chuyên viên cao cấp về công tác Dân vận (Trưởng ban, Phó ban Thường trực Ban Dân vận kiêm)		CVCC		
5	Kiểm tra viên cao cấp công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng (Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm TT UBKT kiêm)		CVCC		
6	Chuyên viên cao cấp công tác Văn phòng cấp ủy (Chánh văn phòng Tỉnh ủy kiêm)		CVCC		
7	Chuyên viên cao cấp công tác Mặt trận (Chủ tịch UBMTTQ kiêm)		CVCC		

TT	Tên VTVL	Số lượng VTVL	Ngạch công chức, viên chức	Biên chế	Hợp đồng
8	Chuyên viên cao cấp công tác Phụ nữ (Chủ tịch Hội Phụ nữ kiêm)		CVCC		
9	Chuyên viên cao cấp công tác Hội nông dân (Chủ tịch Hội nông dân kiêm)		CVCC		
10	Chuyên viên cao cấp công tác Công đoàn (Chủ tịch LĐLĐ tỉnh kiêm)		CVCC		
11	Chuyên viên chính công tác tổ chức xây dựng Đảng (Phó Trưởng ban Tổ chức, Trưởng phòng, phó phòng, Chánh, phó văn phòng kiêm)		CVC		
12	Chuyên viên chính về công tác Nội chính (Phó Trưởng ban Nội chính, Trưởng, Phó phòng, Chánh, Phó văn phòng kiêm)		CVC		
13	Chuyên viên chính về công tác Tuyên giáo (Phó Trưởng ban BTG, Trưởng, Phó phòng, Chánh, Phó văn phòng kiêm)		CVC		
14	Chuyên viên chính về công tác Dân vận (Phó Trưởng ban; Trưởng, phó phòng; Chánh, phó Văn phòng BDV kiêm)		CVC		
15	Kiểm tra viên chính công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng (Phó chủ nhiệm, Ủy viên UBKT, Trưởng, phó phòng, Chánh, phó văn phòng kiêm)		KTVC		
16	Chuyên viên chính công tác Văn phòng cấp ủy (Phó Chánh văn phòng, Trưởng phòng, phó phòng kiêm)		CVC		
17	Chuyên viên chính công tác Mặt trận (Ủy viên Thường trực kiêm)		CVC		
18	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ, Trưởng, Phó ban; Chánh, Phó văn phòng kiêm)		CVC		
19	Chuyên viên chính công tác Hội nông dân (Phó Chủ tịch Hội nông dân, Trưởng, phó ban; Chánh, Phó văn phòng kiêm)		CVC		
20	Chuyên viên chính công tác Công đoàn (Phó Chủ tịch Công đoàn, Trưởng, phó ban kiêm)		CVC		
21	Chuyên viên tổng hợp - Văn phòng Tỉnh ủy		CV	10	
22	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng		CV	10	
23	Chuyên viên công tác Tuyên giáo		CV	6	
24	Chuyên viên công tác Dân vận		CV	4	
25	Chuyên viên công tác Kiểm tra		CV	9	
26	Chuyên viên công tác Nội chính		CV	6	

TT	Tên VTVL	Số lượng VTVL	Ngạch công chức, viên chức	Biên chế	Hợp đồng
27	Chuyên viên công tác Mặt trận		CV	4	
28	Chuyên viên công tác Phụ nữ		CV	8	
29	Chuyên viên công tác Nông dân		CV	7	
30	Chuyên viên công tác Công đoàn		CV	10	
31	Chuyên viên công tác Cựu chiến binh		CV	3	
32	Chuyên viên công tác Thanh niên		CV	12	
33	Chuyên viên công tác Công nghệ thông tin - cơ yếu		CV	2	
34	Chuyên viên công tác Lưu trữ		CV	2	
35	Chuyên viên công tác Tài chính Đảng		CV	2	
II	Cấp Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy	23		244	
1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy kiêm)		CVCC		
2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy kiêm)		CVC		
3	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng Ban tổ chức huyện ủy, thành ủy, đảng ủy kiêm)		CVC		
4	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm UBKTHU, ThU, đảng ủy kiêm)		CVC		
5	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo - Trung tâm BDCT huyện (Trưởng ban Tuyên giáo huyện ủy, thành ủy kiêm)		CVC		
6	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng ban Dân vận huyện ủy, thành ủy, đảng ủy kiêm)		CVC		
7	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh văn phòng huyện ủy, thành ủy, đảng ủy kiêm)		CVC		
8	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch Hội nông dân huyện, thành phố kiêm)		CVC		
9	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện, thành phố kiêm)		CVC		
10	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư huyện, Thành đoàn kiêm)		CVC		

TT	Tên VTVL	Số lượng VTVL	Ngạch công chức, viên chức	Biên chế	Hợp đồng
11	Chuyên viên chính công tác Công Đoàn (Chức tịch LĐLĐ huyện, thành phố, Chức tịch Công đoàn ngành kiêm)		CVC		
12	Chuyên viên tổng hợp - Văn phòng		CV	25	
13	Chuyên viên công tác tổ chức xây dựng Đảng		CV	43	
14	Chuyên viên công tác Tuyên giáo		CV	39	
15	Chuyên viên công tác Dân vận		CV	24	
16	Chuyên viên công tác Kiểm tra		CV	13	
17	Chuyên viên công tác Mặt trận		CV	12	
18	Chuyên viên công tác Phụ nữ		CV	12	
19	Chuyên viên công tác Nông dân		CV	24	
20	Chuyên viên công tác Công đoàn		CV	18	
21	Chuyên viên công tác Cựu chiến binh		CV		
22	Chuyên viên công tác Thanh niên		CV	24	
23	Chuyên viên Công nghệ thông tin		CV	10	
C	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	7		80	62
1	Kế toán		KTV, KTVTC	38	
2	Kỹ thuật viên		NV	1	
3	Văn thư - Thủ quỹ		NV	30	1
4	Lưu trữ		NV	11	
5	Lái xe (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		NV		47
6	Bảo vệ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		NV		7
7	Tạp vụ (Hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP)		NV		7

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

DẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Dà Lạt, ngày 04 tháng 01 năm 2018

Biểu số 8

SO SÁNH SỐ LƯỢNG VTVL, BIÊN CHẾ TRONG CÁC CƠ QUAN

(Ban hành kèm theo Đề án số 02 -ĐA/TU, ngày 04 tháng 01 năm 2018)

TT	Tên cơ quan	Biên chế		Cơ quan xây dựng đề án đề xuất				Cơ quan thẩm định đề xuất				Tỷ lệ tính biên chế		Gh ch
		Được giao	Hiện có	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Số lượng	Tỷ lệ %			
	Tổng cộng (A+B)	1382	1279	735	1125	68	735	1024	65	293	21.20%			
A	Cơ quan Đảng, đoàn thể (I+II+III+IV)	1257	1154	686	1028	64	686	936	61	260	20.68%			
*	THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY	3	2		3			3						
I	Cơ quan Đảng cấp tỉnh	196	173	83	148	15	83	144	13	39	19.90%			
1	Văn phòng Tỉnh ủy	56	50	15	41	7	15	37	7	12	21.43%			
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	35	27	14	24	2	14	24	1	10	28.57%			
3	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	29	30	12	25	2	12	25	1	3	10.34%			
4	Ban Nội chính Tỉnh ủy	21	18	11	17	1	11	17	1	3	14.29%			
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	29	25	12	20	2	12	20	2	7	24.14%			
6	Ban Dân vận Tỉnh ủy	21	19	12	18		12	18		3	14.29%			
7	Ban Bảo vệ Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	5	4	7	3	1	7	3	1	1	20.00%			

TT	Tên cơ quan	Biên chế		Cơ quan xây dựng đề án đề xuất				Cơ quan thẩm định đề xuất				Tỷ lệ tính gián biên chế		Gh chú
		Được giao	Hiện có	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng 68	Số lượng	Tỷ lệ %			
II	Cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT-XH cấp tỉnh	219	210	91	170	16	91	164	15	40	18.26%			
7	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	24	22	15	18	3	15	18	3	3	12.50%			
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	25	25	10	19	1	10	19	1	5	20.00%			
9	Hội Nông dân tỉnh	31	30	17	23	4	17	21	4	6	19.35%			
10	Hội Cựu chiến binh tỉnh	15	14	11	13	1	11	13		2	13.33%			
11	Liên đoàn Lao động tỉnh	93	91	23	74	3	23	71	3	19	20.43%			
12	Tỉnh đoàn Lâm Đồng	31	28	15	23	4	15	22	4	5	16.13%			
III	Các huyện uỷ, thành uỷ	797	727	480	673	31	480	592	31	205	25.72%			
13	Thành uỷ Đà Lạt	70	70	40	60	3	40	53	3	14	20.00%			
14	Thành uỷ Bảo Lộc (gồm cả Nhà thiếu nhi Thành đoàn)	74	69	40	64	2	40	58	2	14	18.92%			
15	Huyện uỷ Lạc Dương	64	55	40	55	2	40	47	2	15	23.44%			
16	Huyện uỷ Đơn Dương	66	57	40	57		40	48		18	27.27%			
17	Huyện uỷ Đức Trọng	68	64	40	56	5	40	49	5	14	20.59%			
18	Huyện uỷ Lâm Hà	68	60	40	55 ₂	4	40	48	4	16	23.53%			

